

TRITÂN

TẠP CHÍ VĂN HOÁ RA HÀNG TUẦN

Tòa báo và nhà in: 70, phố Bạch-Mai

Ty trị-sự: 195, phố Hàng Bông — Hanoi

TRONG SỐ NÀY :

- | | |
|--------------------------------------|-------------------------|
| * Quốc sử ngày nay. | <i>Hoa-Bằng</i> |
| * Quyển « Thi văn bình chú » (VIII) | <i>Nguyễn-văn-Tổ</i> |
| * Bài thơ « Từ thừa vương se. . . » | <i>Thơ-Xuân</i> |
| * Tiểu học Đông-dương (I) | <i>Nguyễn Nhân</i> |
| * Phê-bình « Quán biên thủy » | <i>Hội-Thống</i> |
| * Phạm-Thái (kịch dài bằng thơ, IV) | <i>Phan-khắc-Khoan</i> |
| * Tục hỏa táng của người Thổ | <i>Đỗ-hoàng-Lạc</i> |
| * Trung-quân Nguyễn-văn-Trương (Hết) | <i>Nguyễn Triệu</i> |
| * Gốc tích loài người | <i>Ứng-Hoè</i> |
| * Đọc sách: Le paysan tonkinois. . . | <i>Nhật-Nham</i> |
| * Đêm hội Long-tri (Tiểu thuyết, XX) | <i>Nguyễn-huy-Tướng</i> |

QUỐC SỬ NGÀY NAY ĐÃ ĐƯỢC

các bạn thanh-niên

ĐẶC-BIỆT CHÚ Ý

HOA-BÀNG



ÁNG 16 Mai 1943, nhân đi dự thính cuộc diễn thuyết do anh em trong Tổng-hội sinh-Viên trường Đại-học tồ-chức (1), tôi nhận thấy các bạn thanh-niên ngày nay đã có một khuynh-hướng rõ rệt, khuynh hướng về môn học lịch-sử — lịch-sử Việt-nam — mà trước đây phần đông vẫn hay hững-hờ xao-lãng.

Chứng thực sự thờ-ơ đối với Quốc-sử của thời xưa đó, tôi xin trích dịch mấy câu trong bài tựa của cụ Đào Nguyên-Phổ đề ở bộ *Việt-sử tân ước toàn biên* (2) của cụ Hoàng Đạo Thành: «...Các triều-đại từ trước đến giờ, nhà trường dạy học, khoa-cử lựa người, ngoài Kinh, Truyện ra, dường như vẫn xao-lãng đối với Quốc sử. Đó thật là cái khuyết điểm lớn trong cõi học hàng nghìn trăm năm vậy. » (Đại Việt sử ước, quyền trên, tựa, tờ 3a).

Quả thế, trước khi cải-lương phép thi hương, tức là trước khoa Kỷ-dậu, niên-hiệu Duy-tân thứ ba (1909), từ trường học đến trường thi, người ta chỉ chú trọng vào Bắc-sử; ra đầu bài: ở Bắc-sử; làm bài thi: cũng mở ở Bắc-sử; ít đề ý đến Nam-sử là môn quan-hệ đến quốc-kế dân-sinh của người mình.

Đây, một chứng-cớ:

Trong đề mục kỳ đệ tam khoa Canh-ti (năm Thành-thái thứ mười hai, 1900) ở trường Hà-nam có hỏi sĩ-tử về sử Tàu:

«...(Trương - Lương) nhức đánh ở Sa-trung, việc ấy hầu như một lối kiêu-hành: theo chơi với Sích-Tùng, làm vậy chẳng qua là chuyện hoang-dân. Thế mà có kẻ khen là hiệp-sĩ biết nghĩa, là sách-sĩ biết cơ, thì không biết bình-giá do đâu mà nói thế?

«Tiên-nho có lời luận rằng: Kẻ sĩ đời Đông-Hàn quý tiết nghĩa mà không thông thời-biến; kẻ sĩ đời Đông-Tấn vui diêm-khoảng (diêm đạm và phóng-khoảng) mà không hợp thực-dụng. Nhưng xét: bấy giờ có hạng minh-triết như Quách-Thái, có hạng kiên cơ như Thân-Đỗ, có hạng chăm làm như Đào-Khẩn, có hạng thành công trong việc ứng dịch như Tạ-An, thế thì lời bàn ấy của tiên-nho có hẳn đủ gọi là định bình?»... (Trích dịch trong cuốn *Hà-nam hương thi văn tuyển*, Gia-liêu đường in một bản năm Thành-thái thứ mười hai, 1900, tờ 45 b — 46 a).

Xin nhớ: khoa Canh-tý ấy đã là năm 1900 rồi, thế mà trong văn khoa cử, ngoài môn sử Tàu, người ta vẫn không đả-động gì đến Quốc-sử, thì hạng thanh-

niên theo đuổi cử-nghiệp đương thời còn ai mấy khi nguên-cưu đèn Trung Châm, Trung Nhi, Ngô Quyền, Lê Lợi...!

Ba năm qua. Đến khoa Quý-mão, niên hiệu Thành-thái thứ mười lam (1903), đầu bài thi hương trường Nam, kỳ thứ ba, cũng vẫn còn hỏi Bắc-sử:

«...Về sau, đến Hán, Đường, có bốn ông vua thông suốt được thiên-hạ đều la những người do có lòng không hiểu sut mà làm nên cá. Thế sao chỉ riêng Hán Cao được xưng là «việc làm nhân-nghĩa» và Tống Tồ được khen là «có rộng lòng nhân?»... (Trích dịch trong cuốn *Nam-trường Quý-mão khoa văn*, một bản của Gia-liêu thư đường, in năm Thuận-thai thứ mười lam, 1903, tờ 18 b — 19 a).

Nhắc lại một chút sử liệu như vậy, tôi chỉ muốn tỏ rằng trước đây độ 40 năm, người mình, nhất là phái thanh-niên cử-tử, đã hững hờ với lịch sử Việt-nam là thế!

Nhìn vào giới tân-học hồi ấy, nói cho đúng, phần nhiều cũng vẫn bộ óc khoa-cứ di-truyền, người ta thường nhớ những trận thắng-lợi của Alexandre le Grand, cuộc cải-cách có hiệu quả của Pierre le Grand hay ngày sinh, ngày mất của Charlemagne hơn là trận Bạch-đàng đánh thắng giặc Hoàng-Thập, việc vua Lê

Thánh-tông tổ-chức nội-trị ngoại-nhương, hoặc ngày vua Quang-trung đại phá 20 vạn quân Tồn-Sĩ-Nghị...

Đến đây, không ngờ lời vua Tự-đức (1848 — 1883) vẫn còn đúng: «...Không chịu gảy khúc Nam-âm, động tý lại trung Bắc-sử, dẫu là việc bất-đắc-dĩ phải làm, mà thực cũng bởi tự mình buộc lấy! Than ôi, Tịch-Đàm quên tổ, để dẫu không để tiếng cười về sau? » (Trích dịch bài tựa quyền Ngự chế Việt-sử tổng vịnh).

Thời-thế đã dạy ta nhiều bài học. Sự kích-thích bề ngoài đã lay tỉnh hồn ta trong giấc mơ-mộng ly-bi...

Người ta đã nhận thấy cái nạn « đứt gốc » là một họa lớn! Thanh-niên đã giạt mình nhìn lại quê-hương.

Vì thế, gần đây đã dường như nhóm lên phong-trào sử-học.

Trên những trang sách báo, cũng như trong những cuộc nói chuyện, các bạn thanh-niên thường đã đề tâm đến sử-học, đặc-biệt chú-ý đến lịch-sử nước nhà.

Để làm bằng-chứng, tôi xin trích dẫn mấy đoạn trong bài diễn văn hôm 16 Mai 1943 của ông Đặng Ngọc Tốt nói về Nam-sử:

« ... Hai bà Trưng là người thế nào? »

« Đời này người ta nhắc mãi đến hai bà Trưng, quen quá hồ thành một câu sáo mà chả còn nghĩa gì. Ta nên biết rằng từ cuối nhà Triệu đến đầu Tây lịch kỷ nguyên, cả một giống dân ta-thán dưới cái chính-sách khắc-nghiệt của người Tàu. Thời-kỳ còn hỗn mang đề tự-do cho sự tàn bạo, thì cái thân chiến bại còn biết che-

chở vào dẫu. Quen nò-lệ quá sinh hèn, sợ tàn bạo quá sinh nhát, giá không có cái phần-uất của hai bà Trưng thì cái khí thiêng Hồng-Lạc còn phải chịu tiêu tán bao lâu.

« Nâng cao cái chí suy đồi của một giống dân, gieo vào lòng muôn người đang khùng khiếp một cái sức phấn đấu và tự tin, nêu lại đời sau một cái gương khi-nghĩa, đem lại cho non sông mấy năm độc-lập, muôn đời như kêu gọi thúc giục các cái chí uơ hèn, đó mới thật là công-nghiệp của Trưng - Vương; không phải cái công nghiệp trong nhất thời mà như là một lời khuyến-khích suốt kim cồ.

« Sau đời bà Trưng, còn một vị thiếu-niên anh-hùng, khi-phách có phần đấng mãnh hơn, mà tinh-thần thời vô cùng oanh-liệt.

« Triệu-Âu năm hai mươi tuổi, giết trừ người chị dẫu ác-nghiệt, bỏ vào rừng chiêu mộ binh sĩ để làm cái việc kinh-thiên sau này. Sau hai năm, khởi đại nghĩa đánh đổ quân Tàu giúp anh. Sau sáu tháng tranh-hùng, đem một cái chết mà đền nợ nước. Một đời bà có 23 năm mà nước non hơn mười thế-kỷ vẫn còn nhắc đến một câu khi-khải: « Tôi muốn cỡi cơn gió mạnh, đạp đường sóng dữ, chém cá tròng kình ở bể Đông, quét sạch bờ-cõi để cứu dân ra khỏi nơi đẫm dẫu ». »

« Một cái lời ấy do ở một người con gái Việt-nam thốt ra mà lịch-sử Việt-nam gìn giữ kỷ-lưỡng suốt thời gian, thật là diễn-tả rất xác-đáng

cái tinh-thần và cái chức-vụ của bọn tuấn-kiệt muôn đời. Có phải chăng giòng-giống ta phải là một giòng-giống bất-diệt mới sản-xuất ra được những người có cái chí quật-cường chưa biết chịu khuất bao giờ chăng? »

« ... Dưới lược... »

Đó là một thiết-chứng: thanh-niên ngày nay đã yêu chuộng Quốc-sử. Đó là một trung-triệu: thanh-niên ngày nay đã quay về với những cái căn-bản của ông cha.

Nhưng, tôi cần phải thêm: Đối với những bậc vĩ-nhân trong nước, ta nay nhắc nhở đến, kỷ-niệm đến, là cốt để tỏ lòng mến đức nhớ ơn và, luôn dịp, để người mình biết rằng dân-tộc ta cũng có nhiều cái khả-năng-tinh, không đến nỗi là một dân tộc đốn-hèn, thì ta cũng nên thời-thường chăm lau tắm gương lịch-sử cho khỏi mờ-ám. Song ta đừng ôm cái quan-niệm cũ về sử-học mà cho rằng cuộc tiến-hóa của một dân-tộc là cầm nắm ở trong tay một số ít người, một vài vĩ-nhân. Thật ra bộ máy tiến hóa chung là do đại đa số cùng quay đờ cho chuyển động, chứ không thể riêng trông vào sức một người nào, mặc dầu người ấy là một vĩ-nhân. Cho nên Lamprecht, nhà sử-học Đức, chủ-trương rằng cái nguyên động-lực của lịch-trình lịch-sử là ở toàn-thể xã-hội, chứ không phải ở thiểu số anh-tùng

HOA-BÀNG

1) Diễn tại rạp Olympia, Hano Dương Đức Hiền, Hội-trưởng đồng hội viên, nói « Lời mở đầu »; ông Đặng Ngọc Tốt, sinh-viên ban Y-học, nói về vấn đề « Con đường của Thanh-niên ».

2) Bản khắc gỗ, năm bính ngọ (1906) nhà in số 24, hàng Đào, Hà Nội in và tàng bản.

QUYỂN THÌ VĂN BÌNH CHỦ

Số 8

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỔ

lúc về, qua Bình-thuận, ở lại đánh man-phỉ, dẹp được yên cả. Đồi sang bố-chánh Quảng-nam, quyền ấn tuần-phủ quan-phòng.

VI. — Phan-thanh-Giản

Cụ Phan-thanh-Giản sinh năm bính thìn 1796 (ông Ngô Tất-Tổ chép nhầm là sinh khoảng cuối đời Chiêu thống nhà Lê). Năm 11 tuổi, đỗ đầu tam-giáp đồng tiến-sĩ khoa bính tuất năm Minh-mạng thứ bảy (1826), do chân cử-nhân khoa ất-dậu 1825 (chép theo *Quốc-triều hương khoa*, quyển 1, tờ 59, và *Quốc-triều khoa bảng lục*, quyển 1, tờ 2 b).

« Tên tự là Tinh-bá, lại một tên tự nữa là Đạm-như; tên hiệu là Lương-khê, biệt-hiệu là Mai-xuyên.

« Tiên-tổ là người Tàu, cuối đời Minh sang nước Nam, làm nhà ở tỉnh Bình-định. Đến đời Tây-sơn đem cả nhà vào ở làng Vĩnh-bình, tỉnh Vĩnh-long (đây là dịch theo *Đại-Nam chính-biên liệt truyện*, nhị tập, quyển 26, tờ 21 b; còn *Quốc-triều khoa bảng lục*, quyển 1, tờ 2 b, thì nói là người thôn An-hòa, làng Vĩnh-bình, tỉnh Vĩnh-thanh; đến năm Minh-mạng thứ 12 (1831), vì kiêng tên làng nói đổi là Vĩnh-long).

« Cụ Phan-thanh-Giản lúc nhỏ có tiếng văn-học. Năm Minh-mạng thứ bảy (1826) đỗ tiến-sĩ đầu ở Nam-kỳ. Từ hàm Hàn-lâm-biên-tu dần dần thăng lang trung bộ Hình, ra làm tham-hiệp lang bình, (chỗ này ông Ngô Tất-Tổ chép sai cả).

« Năm Minh-mạng thứ chín (1828) quyền nhiếp công việc trấn

Nghệ-an, chưa được bao lâu lại về Quảng-bình.

« Năm Minh-mạng thứ mười (1829) thụ-chức phụ-doãn phủ Thừa-thiên. Khi vào triều vua, vì trước cụ ở Nghệ-an, nên vua mới hỏi đến việc Trấn-ninh. Cụ thưa rằng: « Trấn-ninh cũng là một điều lo ở ngoài biên, nếu không nhân lúc chưa hiện hình ra mà trị ngay đi, đề ngày sau thế đã thành thì tổn công mà càng khó ». Vua nói rằng: Trị ngay lúc chưa hiện hình, thì sức ít mà dễ thành công; lo việc lúc đã phát rồi, thì dùng sức gấp đôi mà thành công lại khó. Nhà ngươi nói chính hợp ý trẫm »

« Rồi chuyển thăng thị-lang bộ Lễ, làm việc Nội các, lại đổi hiệp-trấn Ninh-bình.

« Năm Minh-mạng thứ 12 (1831) đổi vào Quảng-nam. Gặp bấy giờ có giặc mọi (ác-man) đến cướp phá Thiên-dàng. Cụ Phan-thanh-Giản đem quân đến dẹp: giặc đánh úp lại, quân ta bị thua. Cụ bị tội cách chức, nhưng được cố sức chuộc tội.

« Năm Minh-mạng thứ 13 (1832) được khởi phục hàm kiêm-thảo, sung chức hành-tàu Nội-các, rồi thăng viên-ngoại-lang bộ Hộ, thụ chức phủ-thừa phủ Thừa-thiên, lại được thăng hồng-lô tự-khanh, sung chức phó-sứ sang Tàu; đến khi về, được thăng đại-lý tự-khanh, kiêm công việc bộ Hình, sung Cơ-mật-viện đại-thần.

« Năm Minh-mạng thứ 16 (1835), khâm mạng đi Trấn-tây công-cảm;

« Mùa xuân năm Minh-mạng thứ 17 (1836) vua cho là Nam Bắc yên-ôn, triều-định nhân-hạ, xuống chiếu đến tháng năm năm ấy, vua ngự-gia Quảng-nam. Cụ Phan-thanh-Giản có bài trần tấu đại ý nói: « Nếu vua đi tuần-thứ, hạt-dân nghe tiếng ai là chẳng vui mừng? Nhưng mùa hạ nam nay lúa kém; khoảng tháng tư tháng năm lại đương mùa cày trồng, nếu phai một phen cung ứng, « ngó bên này mất bên kia » (cổ ngữ thất bỉ), xin hãy tạm đình đề dân chuyên về việc làm ruộng ». Vua xem lời tâu không bằng lòng, bảo các quan viện Cơ-mật rằng: « Thanh-Giản có ý đem việc Mạnh-Kha đáp lời Tề-vương chê ta », rồi đình việc đi tuần-thứ, phái ngự-sử Vũ-duy-Tân đi trước đề dò-thám. Đến khi Vũ-duy-Tân về, tâu rằng: « Dân đều mong vua đi tuần thứ », lại phát-giác được những việc quan tỉnh bỏ chể, quan lại nhũn-nệ. Cụ Phan-thanh-Giản bị giam làm lục-phẩm thuộc viên, cho ở tỉnh Quảng-nam để cố sức chuộc tội. Mới hai tháng được thăng thừa-chỉ Nội-các, chuyển làm lang-trung bộ Hộ, coi công việc bộ, rồi thăng thụ thị-lang, sung Cơ-mật-viện đại-thần.

« Năm Minh-mạng thứ 19 (1838), phụng mệnh đi Hà-tĩnh, Nghệ-an và Thanh-hóa duyệt binh, xong việc trở về, chuyên làm việc bộ Hộ. Vừa gặp các quan địa-phương dâng sớ về tâu: có việc thuộc về bộ Hộ, đã phụng châu-phê, quên dùng quốc-bửu (tức là đóng ấn của vua). Cụ

Phan-thanh-Giản vừa là bộ-thần, lại gặp phiên trực, quên không kiểm, bị giáng làm lang-trung, làm việc bộ Hộ. Rồi phụng mệnh phải đi đến phần rừng Chiên-đàn, tỉnh Quảng-nam, thuê thợ vàng (kim-bộ) đi nhặt kim-sa : cụ nói là việc khó. Vua lại đòi đi Thái-nguyên khai mỏ bạc. Cụ tâu hai mỏ bạc ở núi Tống-ngân và Ngân-sơn, trông ngân-khí chưa lấy gì làm phong-vượng, nhất không được mấy nổi.

« Mùa đông, năm Minh-mạng thứ 20 (1839), vua thương tình sai ra ngoài đã lâu ngày, vờ về, đòi làm chức Thông-chính sứ-tý phó-sứ, rồi chuyển làm thị-lang bộ Hộ. Lúc bấy giờ, Nhâm-hữu-Quang vì trần tấu can-rỡ, vua giao triều-thần nghĩ xử, các quan muốn khép tội nặng. Cụ Thanh-Giản và Hữu-quang là người cùng làng, nên mới nghĩ xử nhẹ tội. Vua ghét như thế là có bè-dảng, lại tả-thiên xuống chức Thông-chính phó-sứ, hộ-lý công việc thương trường.

« Năm Minh-mạng thứ 21 (1840) sung chức phó chủ-khảo trường Thừa-thiên, có cử-nhân là Mai-trúc-Tùng làm bài phú trùng văn : bộ Lễ duyệt lại ; cụ Phan-thanh-Giản vì chẫm không tinh, bị giáng một bậc. Chưa bao lâu, lại thăng thị-lang bộ Binh.

« Nam Thiệu-trị thứ nhất (1841) thăng tham-tri, lại kiêm việc viện Cơ-mật.

« Tháng hai nam Thiệu-trị thứ ba (1843), có một đường trắng (bach-khí) ngang giới. Vua ban chiếu cầu trực-ngôn. Cụ Phan-thanh-Giản dâng sớ, đại lược nói rằng : « Người ta trong khoảng trời đất rất nên sợ. Ngôi của thánh-nhân là ngôi trời, dân của

thánh-nhân thống-trị là dân trời, đạo của thánh-nhân là đạo trời. Có gì khác nữa đâu ? Chỉ ở lòng đừng thánh-nhân mà thôi. Lòng ấy nghĩ khi làm ra việc gì đều hợp với lẽ trời, cho nên phải cần-thận lúc chưa trông thấy, sợ-hãi lúc chưa nghe tiếng. Từ chỗ vi-ân đến chỗ rõ-rệt, từ mình khắp ra đến dân, không một việc gì là không hợp với lẽ trời, thì dân được nhờ để sống, mà trời sẽ giáng phúc cho. Nay Hoàng-thượng mới nối ngôi trời, rất là thành với trời đất quỷ thần, hiếu với tổ tiên cha mẹ, một lòng kính-cần sợ-hãi. Người-dâng thư nói việc, được ban khen lựa mui, người dâng sớ nói quan, được thưởng bỏ lụa, ơn lớn thấm khắp thần-dân, đức cả khắp ra bốn bề, đáng được lòng trời thương đến, thường ra điềm tốt mới phải. Thế mà còn có khí dữ lưu-hành, tượng trời để dân-bảo. Hoặc giả đường ngôn-lộ tuy đã mở, mà tình dưới vẫn khó thông lên, việc quyên-xá tuy hậu, mà ơn trên vẫn khó thấu xuống. Cái lòng khải ốc của đại-thần (nở lòng đại-thần để

rửa lòng vua) còn có lòng nghĩ lạ xa ngó lại, các ty-mục ở địa-phương không đề ý đến việc lợi hại của sinh-dân, mà thế chẳng ? Gần đây phương tây có việc, bờ cõi chưa yên, việc quân-lữ bận rộn, thành ra sinh-dân ít thỏa. Vậy xin sau khi muôn việc thông-thả, tuyên triệu nam ba người kỳ-thạc trong nước, hỏi về việc trong nước, mưu ngoài biên, cùng nhau bàn-bạc, việc đều xác-đáng. Lại thân dụ các quan trong ngoài : phạm những điều khỗ sở của dân-gian, đều cho nói hết. Sau rồi chọn điều phải mà thi hành, thì lại-tệ được sạch đi, binh đều thực dụng, việc phòng ngừa ở ngoài biên được mạnh-mẽ, mà thế nước mỗi ngày được tôn lên. »

« Vua khen lời nói của cụ Phan-thanh-Giản là phải. » (Dịch trong Đại-Nam chính biên liệt truyện nhị tập, quyển 26, tờ 21 b 25 a).

(Con nữa)

Ứng-hoà NGUYỄN VĂN TÔ

VĂN-LIỆU TỪ ĐIỀ

Những thành-ngữ và từ ngữ của ta trong các thơ văn xếp đặt lại thành một pho từ điển, rất tiện cho sự tra cứu trong khi đọc sách và như là cần của học sinh học khoa quốc-văn trong các trường.

của Long-Điền NGUYỄN VĂN MINH

Tựa của C. Đ. O. - N. NGUYỄN VĂN NGỌC

Sách khổ rộng 16 x 25 ngót 400 trang

Giá bán lẻ 5\$00

Vị nào gửi tiền đi mua trước ngày 1er Mai 1943, xin biểu 10% .
cước phí không phải chịu.

Những giáo sư các trường công tư, đặt tiền mua trước từ 10 quyển trở lên xin biểu 20% . cước phí không phải chịu.

Thư và ngân phiếu xin gửi và đề rõ :

Ô. Quảng-vạn-Thành { 16, Phố Lê Lợi HANOI
51, Doumer - HAIPHONG

« *Ừ thuở vương xe...* »

LÊ-THỌ-XUÂN

Thư-từ sẽ gửi luôn.
Em may dấu ngày-ngốc,
Nhà không công việc cần,
Cho nó đi theo với,
Chân tay hoặc đỡ-dần.»
Cô già bảy mươi tuổi,
Đau yếu chẳng lìa giường,
Nghe ta đến cáo biệt,
Lặng lẽ lòng ngùi thương.
Anh họ có hai người,
Sum vầy vẫn yêu dấu.
« Em đi có các anh,
Săn-sóc chú cùng cậu.»
Vợ mới cưới bảy ngày,
Sớm chiều lo bếp nước,
Nay ta lên đường xa,
Việc nhà phải gánh vác.
Đời người có ly-biệt,
Nghèo-khó lại càng buồn.
Vinh-hoa ai chẳng muốn,
Khốn nỗi đạo thần-hôn!
Thăm thẳm bước ra cửa,
Rừng sâu đêm tối mờ,
Nhà gần trông chẳng thấy,
Ướt áo lệ như mưa.

Rồi tôi xin mời các bạn ngâm
luôn bài thơ « Mỹ-an dạ phát »
làm lối « lục-ngôn » :

Mạc mạc yên lung bích thụ,
Doanh doanh thủy tâm bình
điền.

Viễn biệt thỉ tông kim dạ,
Tái lai định thị hà niên?
mà Trúc-Khê tiên-sinh đã dịch :
Cây xanh khói tỏa mờ-mờ,
Ruộng đồng nước ngập tràn bờ
lênh-lang.

BÁN ĐẤT

Vì không dùng muốn bán :

1-) 3.000 thước đất giá 20\$
một (ở Chợ Mơ cũ Bạch Mai).

2-) 2.500 thước giá 15\$ một

Hỏi: ở. Phạm-mạnh-Phan
số 34 Ngõ Mai Hương
BẠCH-MAI

Đêm nay từ giã lên đường,
Kỳ về khôn hẹn rõ-ràng năm
nao!

Bài trên ở trong bộ « Lương-
khê thi-thảo » quyển 2 (bản chép
tay của tôi, tờ đầu), bài dưới chép
liền với bài trên (ở tờ kế).

Tôi tìm được tài-liệu này là nhờ
anh Mạc-như-Tông (Qui-nhơn),
vừa rồi nhơn vào xem Hội-chợ
Sài-gòn, chỉ bảo cho. Anh nói:
« Anh tìm trong Lương-Khê thi-
thảo cho ra bài có câu « Tân phụ
tái thất nhứt »; tôi đọc nó cách
nay rất lâu nên không nhớ tựa
là gì.»

Tin ở sức cường-kỷ của bạn,
tôi lật đọc từng tờ và tôi gặp
được bài « Biệt gia » đó. Sau hai
chữ « Biệt gia », cụ Phan có nêu
rõ một câu: « Minh-mạng lục-niên
Ất-dậu lai Kinh ứng Binh-tuất
Hội ». (Năm Minh-mạng thứ sáu
là năm Ất-dậu ra Kinh-đô thi Hội
khoa Binh-tuất).

Vậy cụ Phan trao bài thơ « Từ
thuở vương xe... » cho bà nào
vì cụ có ba vợ?

Vợ trước của cụ tên Nguyễn-
thị-Mỹ ở làng Mỹ-an, huyện Phước-
lộc, tỉnh Gia-định (5). Bà này mất
sớm (6), nên khi qua làng Mỹ-an,
cụ Phan xúc cảnh sanh tình làm
một bài thơ lưu-giã hai mươi
bốn chữ.

Bà Nguyễn mất, cụ cưới bà họ
Lê ở làng Long-hồ (Vĩnh-long). Bà
này không con, bị xuất.

Đến năm Minh-mạng thứ 9
(1828), khi làm Tham-hiệp ở
Quảng-bình, cụ mới cưới bà Trần-
thị-Hoạch ở làng Đơn-duệ (Quảng-
trị).

Thế thì bài thơ này là của cụ
gửi cho bà giữa, bà họ Lê ở Long-
hồ, và cụ làm sáu khi lên đường

ra Kinh hoặc một lượt với bài
« Biệt gia » vì lúc vừa ra khỏi
nhà thì

« Nay ta lên đường xa,
Việc nhà phải gánh vác.
Đời người có ly-biệt,
Nghèo khó lại càng buồn »,
và

« Rừng sâu đêm tối mờ
Nhà gần trông chẳng thấy
Ướt áo lệ như mưa ».

Bởi sáu cảm quả mà cụ có bài
bài thơ « Từ thuở vương xe... »
cho bà vợ mới cưới được có bảy
ngày, đương thay cụ mà phụng
sự cha già trong hồi nghèo túng

Đọc tới đây hẳn các bạn đã
nhận rõ rằng cụ Phan-thanh-Chân
làm bài thơ này lúc ra Kinh ứng
thi và gửi cho bà vợ họ Lê.

« Tứ giã vợ đề đi thi Hội » chớ
không phải « đi làm quan », vậy
tôi tưởng ta cứ nên dùng cái tựa
văn tắt của nó là « Kỳ nội ».

LÊ-THỌ-XUÂN

1) Có bản chép: Lòng này.

2) Có bản chép: cười tở.

3) Có bản chép: nổi phẫn.

4) Bà mà ông Thái nói đây là bà Trần
(thị)-Hoạch.

5) Mỹ-an sau cải Mỹ-lộc. Huyện Phước-
lộc nay là Cần-giộc (Chợ-lớn).

6) Không rõ năm nào, chỉ thấy gia phả
chép ngày 12 tháng tám năm nhâm ngọ
(1822), bà này sanh một gái.

Đã có bản

PHẬT GIÁO TRIẾT HỌC

Giá 2 \$ 80

Một triết học vô cùng sâu rộng lần
đầu tiên được diễn ra quốc văn do
một học giả thông tiếng pháp và đã
tốt nghiệp Cao đẳng triết học Paris,

ông Phan văn Hùm

Sách viết với nhiều tài liệu lấy
Viện bảo tàng Guimet bên Ph

Nhà xuất bản TÂM-VIỆT

29, LAMBLÔT - (Sài Gòn)

VẤN-ĐỀ « HOC »

TIỂU HỌC ĐÔNG DƯƠNG

NGUYỄN NHÂN

VỚI những bài đã đăng trong mục này, tôi đã giảng-giải sơ-lược sự tổ-chức xưa và nay trong hai ngành tiểu-học và trung-học Pháp (về sơ-dẳng tiểu-học, xem Tri-Tân số 59 và số 60 ; về cao-dẳng tiểu-học, xem Tri-Tân số 66 và số 91 ; về trung-học, xem Tri-Tân số 69 và số 93).

Bây giờ, tôi bước sang địa-hạt Đông-dương mà khảo sát, cũng chỉ sơ-lược thôi, về các ngành học của người Nam.

Ta nên biết rằng tất cả những bậc học ở Đông-dương đều khởi-thủy do đạo nghị-định ngày 21 décembre 1917 ban-bố một học-quy chung cho cả năm xứ (Règlement général de l'Instruction publique en Indochine), bắt đầu thi-hành từ 1^{er} Janvier 1918.

Từ bấy đến nay, riêng bậc tiểu-học đã chịu nhiều lần cải-cách nhất.

Theo chế-độ 1917-1918, bậc tiểu-học của ta gồm 5 lớp : đồng-ấu, dự-bị, sơ-dẳng, trung-dẳng và cao-dẳng. Phải đủ 7 tuổi mới được nhận vào lớp đồng-ấu. Phải đủ 13 tuổi mới được thi bằng « Certificat d'études primaires Franco-indigènes » (ta dịch là : bằng sơ-học pháp-việt). Có 5 lớp mà phải học 6 năm, nghĩa là thế nào cũng phải « dúp » một năm. Từ lớp trung-dẳng lên lớp cao-dẳng phải có một kỳ thi « lên lớp ». Tất cả môn học đều dạy bằng tiếng Pháp, từ lớp năm đến lớp

Nghị-định ngày 20 juin 1921 sửa đổi nhiều khoản của nghị-

định 21 décembre 1917 nhưng vẫn giữ những đại-cương trên này. Trường nào đủ 5 lớp gọi là « école primaire de plein exercice » trường nào chỉ có hai ba lớp gọi là « école élémentaire ».

Nghị-định ngày 18 septembre 1924 đặt ra cái bằng « Certificat d'études élémentaires indigènes » (ta dịch là : bằng sơ-học yếu-lược), cho những học-sinh học đủ ba lớp dưới. Năm 1925 là năm đầu tiên có kỳ thi lấy bằng ấy. Từ sau đạo nghị-định này, ở ba lớp đồng-ấu, dự-bị, sơ-dẳng, các môn luân-lý, cách-trí, sử-ký địa-dư, toán-pháp, vệ-sinh, đều dạy bằng tiếng Nam. Tiếng Pháp chỉ dạy trong các bài tập-đọc âm-tả, tập làm văn. Năm 1924 thật là năm đáng ghi nhớ trong lịch-sử giáo-dục ở Đông-dương.

Người ta đã nói nhiều về vấn-đề nên dùng tiếng Pháp (chế-độ cũ) hay tiếng Nam (chế-độ 1924) ở ba lớp dưới. Trong khi một số người thiết-tha mong rằng, với người Nam, tất cả các lớp bậc tiểu-học đều học bằng tiếng Nam, thì lại có một số người nằng-nặc đòi bắt trẻ con an-nam học toàn bằng tiếng Pháp ngay từ lớp đồng-ấu. Tôi sẽ trở lại vấn-đề ấy trong đoạn dưới bài này.

Nghị-định ngày 7 juillet 1927 chia lớp trung-dẳng ra làm hai : vào lớp trung-dẳng năm thứ hai phải có bằng « sơ-học yếu-lược » cả phần pháp-văn (avec mention de français) và phải qua một kỳ thi. Vào năm thứ nhất, cũng phải

có bằng ấy, nhưng không có phần pháp-văn cũng được. Nghị-định này còn sửa đổi chương-trình hai năm lớp trung-dẳng.

Nghị-định ngày 17 mars 1930 sửa đổi chương-trình hai môn địa-dư và sử-ký, từ đồng-ấu đến cao-dẳng.

Nghị-định ngày 17 Juin 1933 chính-thức chia các lớp tiểu-học ra hai bậc gọi là : *cycle élémentaire* gồm ba lớp dưới và *cycle primaire* gồm ba lớp trên. Hạn tuổi các lớp ấn-định như sau này : đồng-ấu, ít nhất 6 tuổi ; dự-bị, ít nhất 7 tuổi ; sơ-dẳng, ít nhất 8 tuổi ; trung-dẳng năm thứ nhất, ít nhất 9 tuổi ; trung-dẳng năm thứ hai, ít nhất 10 tuổi ; cao-dẳng, ít nhất 11 tuổi. Học-sinh nào cũng bắt buộc phải qua lớp trung-dẳng năm thứ nhất, chứ không được « nhảy » ngay vào năm thứ hai như trước nữa.

Một nghị-định khác cũng ngày 17 Juin 1933 sửa đổi lại thể-lệ thi bằng « sơ-học pháp-việt » : phải đủ 12 tuổi tính đến 31 décembre năm thi, phải có đỗ « sơ-học yếu-lược » rồi, và phải có học-bạ đủ ba năm trung-dẳng và cao-dẳng, mới được thi « sơ-học pháp-việt ».

Nghị-định ngày 12 Août 1935 sửa-đổi lại chương-trình môn pháp-văn và môn địa-dư ở ba lớp dưới.

Nghị-định ngày 18 Mai 1937 bổ-lệ bắt buộc phải có bằng S. H. Y. L. mới được vào lớp trung-dẳng năm thứ nhất, nhưng lại đặt ra một kỳ thi khác : học-sinh có đỗ hay không đỗ S. H. Y. L. cũng phải qua kỳ thi ấy. Cũng theo nghị-định này kể từ học-khóa 1939-1940, dự thi S. H. P. V. không bắt buộc phải có bằng S. H. Y. L. như trước nữa. Riêng ở Nam-kỳ, nghị-định ngày

14 aoút 1936 của quan Toàn-quyền đã bỏ hẳn cái bằng sơ-học yếu-lược và kỳ thi của nó. Nghị-định ngày 11 Juillet 1938 lập lại như cũ, nhưng để riêng cho những dân thiểu-số như dân Mọi, dân Chăm thôi, còn học-sinh Việt-nam không phải thi. Gần đây, nghị-định ngày 24 Novembre 1942 lập lại kỳ thi S. H. Y. L. cho học-sinh Việt-nam ở Nam-kỳ. Còn ở Bắc-kỳ, nghị-định ngày 29 Juin 1937 của quan Thống-sứ bỏ những bài vấn-đáp trong kỳ thi S. H. Y. L.

Nghị-định ngày 18 Janvier 1938 khai-sinh cho những tên « écoles primaires élémentaires indochinoises » thay cho « écoles élémentaires indigènes » và « écoles primaires complémentaires indochinoises » thay cho « écoles primaires franco-indigènes ». Nghị-định này đặt hẳn chương-trình mới cho tất cả các môn học trong cả các lớp, từ đồng-ấu đến cao-đẳng, tức là chương trình hiện nay đang dùng trong khắp các trường tiểu-học ở Đông-dương.

Nghị-định ngày 20 Mars 1939 đổi tên các bằng : « certificat d'études élémentaires indigènes » đổi ra « certificat d'études primaires élémentaires indochinoises » và « certificat d'études primaires franco-indigènes » đổi ra « certificat d'études primaires complémentaires indochinoises ».

Trong Tri-Tân số 89, tôi đã bày tỏ tại sao nên lấy mấy chữ « sơ-học » thay cho « sơ-học yếu-lược » và « tiểu-học » thay cho « sơ-học pháp-việt ».

Gần đây nhất, nghị-định ngày 5 Mars 1943 thay đổi chương-trình môn luân-lý trong tất cả các lớp tiểu-học. Đây là sự cải-

cách mới mẻ nhất trong nền tiểu-học Đông-dương.

Trên kia, tôi đã nói: năm 1924 thật là năm đáng ghi nhớ trong lịch-sử giáo-dục ở Đông-dương. Năm 1924 tức là ngày đắc thắng vẻ-vang của chữ quốc-ngữ. Chính nhờ đạo nghị-định ngày 18 Septembre 1924 mà học sinh an-nam ở ba lớp dưới được học đủ mọi thứ bằng tiếng mẹ đẻ, nghĩa là bằng chữ quốc-ngữ.

Tôi còn nhớ khi mới bắt đầu cấp sách đi học vào năm 1920, ngay lớp bét đã học toàn chữ Tây là chữ Tây. Học cách-tri thì ngay bài đầu đã sa-sả kêu : « Le corps humain se compose de trois parties... ». Học sử-ký thì bài thứ nhất là bài « La tortue d'or ». Cả bài rằm bảy câu, có khi chẳng hiểu rõ một chữ nào. Ấy thế mà con vẹt cứ việc lặp đi lặp lại hết ngày này sang ngày khác.

Việc cải-cách năm 1924 thật là cái vinh-dự cho những nhà cầm quyền xứ này trước đây 20 năm. Tuy vậy, đó cũng là kết-quả sự nỗ-lực của các bậc trí-thức Việt-nam như các ông Phạm-Quỳnh, Nguyễn-phan-Long, v.v... đã từ Bắc chi Nam, nào diễn-thuyết, nào viết báo, yêu-cầu dùng tiếng Nam trong bậc tiểu-học của người Nam.

Ta hãy đọc một vài đoạn dịch văn của ông Phạm-Quỳnh trong báo « Avenir du Tonkin » năm 1922, báo « Echo Annamite » trong Nam có lục đăng lại :

« Khi qua khỏi bậc sơ-học, đứa con trẻ Việt-nam hình như thông-hiểu được nhiều điều lắm, mà kỳ thật không biết chi là chi hết ; đã không hiểu các môn đã học bằng tiếng Pháp mà thôi, các câu

ấy nó cũng không thể hiểu nghĩa được rõ, lại không thể hiểu tiếng Pháp. Vì tiếng này dùng làm tiếng cơ-quan cho hết thầy các môn học khác ; thật giống hệt như trong các trường dạy con trẻ Pháp, chẳng hề dạy tiếng Pháp vì tiếng Pháp, lại dạy theo phương-diện tiếng ngoại-quốc... Thế thì bậc sơ-học gần như trống-không, sự biết tiếng Pháp hầu như không được gì, và khối óc rối bời vì đã nhiều năm học toàn những điều khiến nên dần-độn... »

« ... Cả cái sơ-học hiện thời lẽ nên bỏ hết, và đem thay vào một cái sơ-học Việt-nam, lấy cái văn bằng sơ-học Việt-nam để chứng cái học ấy, tiếng cơ-quan sẽ phải toàn là tiếng Việt-nam mà thôi, còn tiếng Pháp sẽ là một môn học riêng... »

« ... Tiếng Việt-nam đã sẵn tư cách làm cơ-quan cho cái sơ-học xứng-dáng không ? Có lẽ người ta sẽ đề khởi ra câu hỏi ấy, và chúng tôi kết bài hôm qua cũng bằng câu hỏi ấy. Chúng tôi xin trả lời lớn lên rằng được

« Và chúng tôi lại thách kẻ nào chứng minh được điều trái-ngược lại, mà không đúng lý-lẽ mập-mờ, không đúng lẽ phải, không đúng sự thật ; vì nhiều người hoặc sánh hoặc không sánh lắm, đã buông nhiều lời phê-bình tiếng chúng tôi, làm cho chúng tôi thật tức-giận, nên chúng tôi gia-công mười năm khảo-cứu, luyện-tập, và chúng tôi quyết rằng cũng thông-hiểu tiếng nước nhà ít ra cũng ngang bằng kẻ khác, bất-kỳ là ai... »

Một đoạn văn khác của Phạm Quỳnh, cũng về vấn-đề trong Nam Phong số 67 :

« Làm cho tiếng ta sống đi
(Xem tiếp trang 2)

ĐỌC SÁCH

QUÁN BIÊN THÙY

HỘI-THỐNG

VỚI cuốn « Ai Bắc », xuất bản năm 1942, ông Thao Thao đã chiếm được một địa-vị khá quan trọng trong làng thơ đất Việt. Mới đây ông lại cho ra vở kịch thơ *Quán biên-thùy*, phô-diễn một cách mới mẻ, sâu sắc, « chuyện Kinh Kha, cảm ơn tri ngộ, sang Hàm-dương hành thích vua Tần », một truyện mà dù đã trải qua bao thế kỷ, vẫn đủ sức « khích-thích » những người có tư-tưởng, có tâm-huết, biết nghĩ, biết cảm, ở đời này. Biết bao nhà văn đã từng phải « ngậm ngùi, cảm-khái », thương cho ai, mà lại khóc cho ai !...

Màn thứ nhất bày ra trước mắt ta cảnh *Quán biên-thùy*. « Ba gian nhà tranh bên cạnh đường thông Yên, Triệu, chung quanh bao-la rừng núi... »

« Quán biên thùy, nơi chia
đôi cương giới,

« Triệu một bên, Yên hồ-
hững một bên ».

Sống giữa cảnh thiên nhiên, hùng-vĩ ấy, bạn với trăng ngàn, gió núi, ta cũng không lấy làm lạ khi thấy Cao-tiệm-Ly, « bạn đối ẩm của Kinh-Kha » cất tiếng ngâm vang :

« Lòng láng láng, không mây
may vương vãi,

« Xa bụi trần, gần rừng núi
hoang vu... »

« Xa trần gian, nơi bụi bay
mù mịt,

« Nơi mênh mông sâu, oán,
hận vô biên... »

Ghét công danh, phú quý,
mặc ai theo đuổi mộng công-
hầu, khanh tướng, chàng chỉ
ura cùng bạn ngắm những...

« ...Cảnh rừng sâu ra bề cả,
« Cảnh non Bồng, nước
Nhược chốn thiên nhai.

« Cảnh muôn năm mây trời
trăm vẻ lạ

« Hoa đón chào, chim mừng
hát vang tai ».

Gần Cao tiệm Ly có một tâm hồn thanh cao mơ mộng như vậy, trách nào Kinh Kha chẳng thấy nhiều phen tơ lòng rung động :

« Lòng cũng muốn say mơ
đời như mộng :

« Mộng thần tiên, mộng ấy,
mộng vô song !... »

« ...Thả hồn trôi, trôi theo,
lòng những muốn

« Cảnh non Bồng, nước
Nhược mãi say sưa... »

« ...Nơi Đào nguyên thuyền
ai lơ lửng đợi

« Lúa mờ trong sương phủ
ôi ! nên thơ... »

Nhưng nghĩ lại :

« ...Giận thân dài, vai rộng,
« Kiếm thần đeo chưa trả nợ

non sông ».

Chỉ khi hiên ngang, những mong lấp bề, và trời, Kinh Kha quyết « vãng mình đời gió bụi xông pha » :

« Kiếm thần bụng, chém
phăng loài tàn hại

« Thôi tranh giành, xâu xé,
chẳng dung tha ! »

Và chỉ :

« Mong thời cơ tỏ rạng kiếm
anh linh... »

« ...Quyết chờ phen cho quỷ
khiếp thần kinh ! »

Màn thứ nhì : Triều đình Yên.

Kinh Kha sau khi đã nhận lời với lão tướng Điền Quang cứu Yên quốc ra khỏi vòng nước lửa vì bạo Tần.

Quân đã tràn cả ven sông Dịch Thủy.

Sắp ủa sang làm cỏ khắp Yên bang, một mình vào hội kiến với Thái tử Đan, bàn mưu tính kế để cứu vớt muôn dân ». Cũng không ngoài cách « thi hành mưu Tào Mạt ». Phải thi hành độc kế, vào Hàm Dương hành thích vua Tần.

Kinh Kha khẳng - khái nhận ra đi, sẽ mang theo địa đồ đất Đốc cương và đầu lâu Phàn ô Kỳ, mong thành công :

« Giết Tần Vương giải nguy cho thiên hạ ». Màn này có nhiều câu thơ hay, khiến cho ta phải ngẫm nghĩ. Như lúc Thái-tử Đan sau khi « mơ thấy nghiêng-nghiêng trời đất đổ », lúc bừng tỉnh, dạ phân vân, bàng hoàng, nói với bách quan :

« Tình thế này dễ khôn hòng
cứu gỡ,

« Biết làm sao để vững nước,
yên dân ? »

Thì Thái phó Cúc-Vũ đáp lại ngay :

« Tàu Điện-hạ : Việc yên,
nguy, còn, mất,

« Là do tài định-doạt, mộng
tin chi ? »

Lại khi Thái-tử Đan muốn ủy thác việc lớn cho Kinh-Kha, có những câu như :

« Một đường kiếm giải nguy
cho thiên-hạ
« Thì một thân nhưng muốn
thừa lưu phương... »

Và khi Kinh-Kha đã nhận lời,
Thái-tử Đan tỏ ý cảm ơn :

« Kiếm thần kia vì muốn dân
rửa hận
« Thành Hàm-Dương xin
lắm máu quân thù ».

Màn thứ ba — Sông Dịch-thủy. — Hương án, tàn quạt...
trong sương khói, buồn rầu.
Một con thuyền đậu ven sông,
quanh co dòng nước chảy lạnh-
lùng... »

Bên bờ sông Dịch, Kinh-Kha
dừng lại « ngắm non sông tịch
mịch cũng thấy nao nao trong
lòng :

« Sông Dịch-Thủy vơi trông
sao quanh quẽ,
« Nước về đâu mờ mịt, lạnh
lùng trôi?... »

Giữa lúc ấy Cao tiêm Ly,
« không quản nghìn dặm xa »
tìm đến tiễn đưa bạn và
khuyến bạn trở lại « quán biên
thùy êm-ái, miền núi rừng bao
cảnh lạ nên thơ ». Cuộc đời
đã như ảo mộng thì còn chen
vào chốn bụi hồng ấy chi ?

Rượu ngon lại có bạn hiền,
« cùng nhau dờ chén, cạn Thơ,
hứng tình, xướng họa, gât gù
ngâm... » chẳng hơn ư ?

Nhưng chí Kinh-Kha đã
quyết. Nên tình bạn hữu dẫu
thiên-hàng; những ngày qua
« nâng chén rượu, chiều chiều
nghe gió thổi », những « cảnh
say sưa vui thú » nơi « quán
ba gian êm-dịu » chốn biên
thùy, tuy đã để lại trong lòng
người tráng sĩ những kỷ-niệm
bất diệt, mà Kinh-Kha cũng

đã thắng được lòng mình, gác
tình cảm ra một bên, để làm
cho tròn nghĩa vụ.

Tâm-lý Kinh-Kha

« Cả triều Yên đều mặc đồ
tang trở,
« Đề tang người vì nghĩa
cứu Yên bang... »

Là một việc dễ dàng, ai
cũng có thể làm được. Thắng
được lòng mình, quyết không
nghe theo tiếng gọi thiết-tha
của tình cảm, mới là khó.

Chúng ta kính-phục Kinh-
Kha, chúng ta ngậm ngùi
thương cho thân-thể Kinh-kha.

« Trái bao thu mơ-màng đời
chiến-sĩ,

« Nay đóng vai... hành-thích...
mĩa mai chưa ?

« Mộng buông trôi... tung-
hoành không phủ chí... »

« Thù tổ phụ... càng nghĩ...
lệ tuôn mưa... »

Có người tất sẽ lấy làm
ngạc-nhiên khi thấy một tráng-
sĩ đời Chiến-quốc rỏ lụy khóc
vì không đạt được chí nguyện
bình sinh. Nhưng giọt lệ anh-
hùng đây không làm cho
chúng ta phải chê. Trái lại,
chính vì thế mà chúng ta yêu
Kinh-Kha, vì Kinh-Kha gần
chúng ta hơn, nghĩa là cũng có
đủ thất tình như những ai ai.

Trước khi quyết định, Kinh-
Kha cũng đã từng chổng lại
trâu bão lòng.

« Cảnh nên thơ, nơi xa xôi...
vời vợi... »

« Nơi cuốn lối hồn mộng...
nhìn ngẩn ngơ... »

Đã từng làm cho chàng say đắm.

Chàng cũng đã dự biết cuộc
đời là ảo-mộng.

« Đời giờ bụi... Đời mênh-
mông sầu, tủi... »

« Đời tranh-giành, xấu sẽ
bao nguy nan ! »

Nên chàng lại càng quý cái
tình bè bạn thiên-hàng giữa
chàng với Cao-tiêm-Ly, càng
nhớ tiếc những giây phút thanh
tiên đang giá ngàn vàng, cùng
bạn tri-âm.

« Rượu đầy vơi... âm-thầm
nghe điệu trúc,

« Trúc ngân buồn, rừng núi
chầu lệ sương,

« Võ kiếm ca... lưng trời lơ
lơ dục... »

Hoặc những :

« Khi trèo non, khi lội suối
vui chán,

« Quán biên-thùy chiều chiều
sương mờ mịt

« Rượu đầy vơi, ca hát trưc
vang ngân »

Cái hình ảnh êm đềm của
quá khứ vẫn theo đuổi Kinh
Kha, đến nỗi phút cuối cùng
bên sông Dịch thủy, sắp sang
Hàm-dương hành thích vua
Tần, chàng còn đáp lại Cao
tiêm Ly :

« Cũng muốn lui... lui về miền
rừng núi,

« Quán biên-thùy, ôn lại thú
vui xưa ! »

Và không phải là kinh-kha
đã không cân nhắc :

Một bên :

Quán biên-thùy, cảnh say sưa
vui thú

Còn một bên :

Thành Hàm-dương, muốn rửa
một phần may

Rút cục Kinh-Kha đã thả
một cách vẻ vang ngọn tu

(Xem tiếp trang 1)

Nhà sư

Người nghĩa khí!
Thiệt đích đáng là giống nòi dũng sĩ
Hiền hữu ơi, tôi nào phải sư tăng.

Tráng sĩ

Nhưng người là ai mà vừa lẫm liệt
hiền ngang
Vừa điềm đạm như Lưu Huyền...
thuở trước?

Nhà sư

Cũng một kẻ mang thù nhà và nợ
nước.
Người là con của cụ Trạch-trung-
Hầu.
Mà tôi đây là con... của... tướng
Trần-quang-Châu!

Tráng sĩ

Trời ơi, anh Quang-Ngọc!
Gặp gỡ nhau trên đường đời gai
góc.

Từ biệt ly nào đã cách bao xa,
Mà dung nhan em chẳng nhận
nhìn ra.

Nhà sư (Quang Ngoc)

Phải trá hình cần thận
Khi ra ngoài cũng như khi lánh ẩn...!

Tráng sĩ (P. T.)

Nhưng sao hiền huynh...

Nhà sư

Lại trấn nhậm ở chùa đây?
Chỉ cách hai giờ trước chính đêm
nay,
Vì nhanh bước được trước vào
cảnh Phật,

Tráng sĩ (P. T.)

Bằng cách nào? hiền huynh? màu
nhiệm thật?

Nhà sư (Q. N.)

Bằng cách mà hiền huynh định thi
hạnh...

Tráng sĩ (P. T.)

Gu đệ xin chịu lỗi trước tôn
huynh
thất lễ.

Nhà sư (Q. N.)

Lỗi chỉ vì khanh chậm trễ,
Nếu sớm hơn tôi khỏi phải ra tay,

Tráng sĩ (P. T.)

Cũng thực do thiên ý buổi đêm
nay...

Nhưng cửa Phật

Không phải là nơi chuyên ăn dật;

Nhà sư (Q. N.)

Là nơi ta tạm lánh đề mưu thù,

Tráng sĩ (P. T.)

Vâng là nơi tạm trú lúc chu du...

Nhà sư (Q. N.)

Hiền hữu đã giới về mưu trí,

Xin lưu lại đây luôn và tạm nghỉ,

Vừa nhận dùm cho đảng chức quân

sư

Như đã từng giúp đảng Nguyễn

Đoàn xưa.

Tráng sĩ (P. T.)

Hiền huynh đã lập nên thành đảng

mới?

Nhà sư

Đảng đã nhóm chỉ hùng dương

phơi phới

Người đầu tiên hứa giúp, một giai

nhân

Mà nam nhi khó kíp trí siêu quần,

Là con của Nguyễn thượng thư

Đình Giản

Người đã lạc bước tông quân khi

tán loạn...

Tráng sĩ

Phải, nàng tên gọi Nhị nương

chẳng?

Nhà sư

Phải.

Tráng sĩ

Ồ một giai nhân đẹp tựa bóng

cung hằng,

Một, một... một thiên hương quốc

sắc

Nhà sư

Nhất lại là một bức phi thường

cân nhắc

Tráng sĩ

Vâng, cả hai bề đều vẹn vẻ hóm

hai!

Nhà sư

Nàng hẹn rồi sẽ trở lại ngày mai

Kịch dài bằng thơ

Phạm Thái

Viết theo «Tiêu-sơn tráng-liều thuyết của Khái-Hưng

Số 4

PHAN-KHẮC-KHOAN

Tráng sĩ

Ngày mai?

Nhà sư

Ngày mai nàng sẽ lại

Vì ngày mai cửa thiền sẽ là nơi

dinh trại

Tráng sĩ

Nhưng làm sao hiền huynh gặp

Nhị nương?

Nhà sư

Chính đêm nay

Tráng sĩ

Ồ lại một chuyện phi thường!

Đêm nay, vào lúc nào lạ thật?

Nhà sư

Ngay lúc ngu huynh đi gần cửa

Phật

Nhị nương còn đấu kiếm với sư

tăng...

Tráng sĩ

Chắc vì nàng đẹp tựa bóng cung

hằng...

Nhà sư

Nên sư cụ...

Nhà sư

Vâng chính thế.

Nhưng hãy đợi lần sau rồi sẽ kể,

Đêm gần tàn sắp sửa trống canh

tứ;

Hiền hữu nên tạm chợp giấc tăng

sư

Nơi cửa Phật. Ngày mai nàng sẽ

lại;

Ngày mai cửa thiền sẽ thành nơi

dinh trại.

Ngày mai sẽ đi tìm kiếm Hoàng

Phi...

Tráng sĩ

Vâng phải cứ bà ra khỏi bước

gian nguy

Nhà sư

Ngu huynh đã phó cho nàng công

thần thánh

Vin tạm nghỉ ngày mai rồi sẽ tính...

I

Lớp thứ hai

Cảnh I:

Cảnh chùa Tiêu sơn buổi mai

Quang-ngọc tức tráng sĩ thứ nhất

nhà sư thứ hai

Nhị nương tức thiếu nữ

Phạm Thái: tức tráng sĩ thứ hai

***:

Quang Ngoc

Đôi Tiêu sơn giảng tròn đương

nhuộm ánh,

Kia lầu cao Tiêu lĩnh ngát trăm

lương

Nơi chân trời tha thướt dưới hàng

duyên

Tường có bóng một hai người kỳ

mã,

Phạm Thái

Trong rừng liễu cây đen vờn ánh

ngả,

Tràng phong lưu đương êm nhẹ

tiến lên lầu;

Môi hường xinh làn mắt dịu đen

sâu,

Ồi kiều diễm trông như người mỹ

nữ,

Quang-ngọc

Khách kiều diễm trông như người

mỹ nữ

Chính là nàng anh-kiệt Nhị-nương

đây

Phạm Thái

Thảo nào mà đôi mắt đượm mê

say,

Mà dóa môi như đào phơi dịu

thắm.

Quang Ngoc

Nhưng dầu đượm hương hoa hay

sắc gấm,

Cũng không bằng mộng tưởng tôi

cao xa.

Đủ trông sáng cho hồn người say

dâm,

Đủ vui tươi cho lòng cất vang ca.

Nhị nương

Xin cúi chào quý hữu với hiền

huynh.

Quang Ngoc

Đây là người bạn gái của ngu

huynh,

Đây Phạm Thái trang anh tài tuấn

kiệt.

Phạm Thái

Kể ngu sĩ lần đầu tiên được biết

Dung nhan người liệt nữ anh hùng,

Mà bao lâu đã kính phục trong

lòng.

Quang Ngoc:

Ngày hôm nay vòm trời cao rộng

quá,

Kia trăm hương sức nước cửa từ bi,

Lòng trời Phật chứng minh gương

sắt đá,

Cho vững bền trong những lúc

gian nguy.

Nhị nương

Sẽ vững bền trong những lúc gian

nguy.

Vì hiền huynh

Kiếp phong trần hồ hải bước lưu ly

Đã quen nhẫn với bao điều tàn khốc

Chiếc thuyền bé mặc ghềnh pha

sóng vỗ,

Quyết buông chèo vững lái sang

bờ xa...

Quang Ngoc:

Trước tòa sen thơm nước, những

hương hoa,

Xin kết giải đồng tâm trong nghĩa

trọng;

Và thề quyết cùng nhau cùng chết

sống.

Nhị nương:

Ta tuy chẳng cùng nhau chung

huyết thông

Nhưng mối thù bất diệt: cảnh suy

nghiêng,

Là dây tình ràng buộc rất thiêng

liêng...

Phạm Thái:

Xin nghĩa tỷ cùng hiền huynh

vững dạ,

Đây tiện đệ xin chờ theo lệnh cả.

Quang Ngoc:

Chúng ta cùng, dốc cạn chén mừng

bồi,

Cho tấm lòng cam hận bớt nung

sôi,

Cho chí khí hiền ngang càng đứng

manh.

Nhị nương

Cho tim đau quyết không bao giờ

tê lạnh,

Cặng thẳng buồm phụ vọng tới

thành công.

Phạm Thái

Đề muôn người qua khỏi bước

lao lung

Đề rồi đây chân trời hãy sắc thắm

Quang Ngoc

Đề non nước muôn nơi tràn vẻ

gấm,

Đề trung thần hung phục lại triều

Lê

Thì hôm nay ta phải gặp hoàng

Đề cứu bà ra khỏi bước gian

Vậy hiền muội phải dày

thăm th

Dò tin tức rồi sau ta sẽ tính.

(Còn nữa)

PHAN-KHẮC-KI

TỤC HỎA TÁNG

của người Thờ

ĐỖ-HOÀNG-LẠC



Đó là một cỗ-tục bất di bất dịch lưu truyền tự nghìn xưa của một chủng-tộc đã bao đời sùng-thượng Phật giáo.

Không riêng gì người Thờ, những dân-tộc dưới bóng Ili-mã-lạp sơn suốt dải lục-địa Tây-Á (Ấn-độ, Xiêm, Tây-tạng...) và phần đông người hắc chủng tồn-tại trên quả địa-cầu (châu Phi, châu Úc) đều kính-cần theo tục thiêu người chết.

Đối với họ, chết tức là giải-thoát khỏi hồng-trần. Nhưng nếu thê-vác vẫn nằm dưới lớp đất đen, thì linh-hồn vẫn chưa được siêu thăng lên cõi Nát-bàn thượng-giới. Cần phải thiêu sạch cả thê-chất cấu-tạo bởi tục-phạm mới mong đưa linh-hồn về nơi cực-lạc theo ngọn lửa thiêng.

Bởi thế, dù giàu nghèo sang hèn, ai ai cũng đều theo tục ấy. Thật là điều ân-hận, nhục-nhã, đại bất-hiểu cho họ, nếu hương-hồn ông bà cha mẹ không được về hầu dưới chân đấng Phật từ-bi.

Nhưng ta nên biết, lễ hỏa-táng không thể làm với một số tiền con con được, vì ngoài khoản phí tồn-củi-dóm để thiêu, còn phải cung-cấp mọi thứ lễ-vật cho thầy tu. Cho nên một số đông người nghèo khó, cơm đã bữa đói bữa thì có đầu tiền của mà hồng-củi-hải-cốt tồ-tiền phụ-mẫu. Họ nhậm-ngùi nhìn thời-gian

đánh dấu tháng năm trên những nắm xương tàn đã vùi sâu dưới ba tấc đất, đề-rời đến kỳ sóc-vọng hay ngày tết tung bưng, họ buồn rầu bung đến góc sân chùa một mâm cơm không đến nỗi khô-khan thịt cá, đặt trước cái chõi lá cao lỏng-chổng dùng tạm làm bàn thờ, dưới bóng mát một gốc cổ-thụ: bữa tiệc của mấy linh-hồn còn nợ-uế, vì hải-cốt chưa được thiêu. không dám vào điện Phật nghe kinh như những linh-hồn khác.

Sự quá nghèo-túng ngăn-trở bọn người cùng đinh khốn-đốn này khó vẹn-toàn chữ hiếu. Nhưng còn những kẻ khá hơn một chút, thì dầu phải vay công mắc-nợ, họ cũng không từ. Thiêu được ông bà cha mẹ là đủ mãn nguyện cho cả đời họ rồi. Hạng này, một khi chết hay mẹ nhắm mắt, họ lập tức thiêu ngay. Như thế đỡ tốn hơn đem táng đi rồi chờ ít năm sau mới bốc mộ lấy cốt đem thiêu.

Có mục-kích một đám thiêu tươi xác-chết, mới nhận thấy tất cả sự ghê-tởm kinh-dị.

Người chết mặc xong quần-áo được đưa ra giàn-hỏa. Giàn-hỏa dựng giữa cánh đồng bát-ngát, dưới chắt hàng súc gỗ tươi (củi khô thì biết bao nhiêu cho đủ!). Sau khi buộc chặt xác chết trên giàn và đám thầy mo làm phép cầu nguyện xong, người ta khởi sự đốt. Ngọn lửa bắt đầu hoặc nhựa cây phát-hỏa cháy bùng lên, chỉ trong khoảnh khắc khói bốc mịt

mù. Mọi người đều đứng trên gió để tránh cái mùi nồng-nặc buồn nôn phát-tiết từ cái tử-thi bị cháy xém xèo-xèo. Qua lớp khói dày đen kịt, người ta thấy xác chết rút gân co rúm lại. Ta có cảm tưởng đó là kẻ tội-nhân kiệt-lực đang oằn oại trước hình-phạt rừng-rợn dưới cỏi diêm-la, mà chúng quỷ Dạ-xoa mặt ngựa đầu trâu, là bọn người mình trần mồ-hôi nhễ-nhại đang đẩy thêm củi dưới giàn và đang lăm-le trong tay thanh sát nhọn để thỉnh-thoảng thẳng cánh đâm vào xác chết một nhát cho mỡ chảy bót ra ngoài. Bất đồ, vụt một cái, tử thi bỗng ngời phát dậy, bao nhiêu giây buộc chặt đều đứt phăng cả. Người ta phải lấy đòn gỗ nặng cố đè xuống, chặt-vật lăm-mới ấn được tử-thi nằm yên. Lửa vẫn cháy già, tử-thi biến-hình dần dần từ một con lợn quay đến một khúc gỗ cháy đến nứt-nẻ. Không chịu nổi sức lửa, giàn thiêu đổ xiêu xuống ném bộ xương người ngổn-ngang vào đống than hồng.

Thế là chỉ non một ngày, ngọn lửa thiêng đã hóa-kiếp tử-thi kia để đưa linh-hồn kẻ ấy về nơi Tây-phương cực-lạc, như lòng mong-ước của lũ con cháu hằng thành tâm vọng-niệm.

Lễ hỏa-táng của người bình dân đơn-giản như thế. Nhưng đối với hàng thượng-lưu phẩm-tước

Muốn làm giàu mua vé số

Đông Pháp

1p.00 một vé

thi nghi-lễ có lăm phần phiên phức rườm rà.

Vừa rồi, tôi được chứng-kiến một đám hỏa-táng vô cùng long-trọng ít khi có ở miền Hậu-giang Nam-kỳ. (Ta nên nhớ Nam kỳ là đất Chân-lạp thuở xưa, người Thờ vẫn còn đông-đúc ở mấy tỉnh phía Tây, tuy họ đã Việt-hóa nhiều, song vẫn giữ quốc-tục).

Tang chủ là một ông cai-tổng đương niên ở quận L.-ph., tỉnh S.-tr., ông thiết đàn làm lễ hỏa-táng cho phụ thân ông thất-lộc đã năm năm rồi, nay mới bốc mả lấy cốt đem thiêu.

Thiên-hạ xa gần nô-nức đến xem tấp nập. Đây là một công-cuộc có cả ý-nghĩa « làm phúc » cho nên thiên-hạ ở xa đến xem, khỏi phải lo về khoản dạ-dầy, vì tang-gia đã sẵn-sàng cất cho họ một giải nhà rộng-rãi, để mỗi ngày đều chu-đáo tiếp-dãi họ vài ba bữa cơm thịt-cá ê-hề. Và đề

mọi người khỏi chán, tang-gia đã gọi ba ban hát : hát tiêu (hát Tàu), hát điệu kê (hát Thờ) và hát thuật, suốt đêm hát xem chơi.

Cả công-cuộc lớn-lao kiềnh-thiết choán trên ba mẫu đất sửa sang bằng-phẳng, giữa một cánh đồng mênh-mông bát-ngát. Nào là đàn-thiên, nào là điện Phật, nhà khách, nhà ăn, nhà bếp, nhà hát... tất cả đều làm bằng cây và tre lợp lá, chung dọn trang-hoàng.

Nhất là điện Phật kiến-trúc theo lối cao-mên, mới bước vào ta phải chóa mắt trước những đồ vật : sơn son thiếp vàng chói-lọi, và những tấm lụa đủ màu sắc sỡ xa-hòa, bay bướm đang phấp-phới trên trần nhà như khoe nét mỹ-miêu đặc-biệt của nền mỹ-thuật tối-cổ, trường-cửu với ngôi đền Đế-Thiên Đế-Thích hùng-vĩ suốt thiên-thu.

Tôi đang dương to đôi mắt của một kẻ ở miền nước ngọt, tò mò nhìn hàng trăm ông lục áo vàng (thầy sãi cao-mên) ngồi trên sập lót chiếu, theo thứ-tự phẩm trật nhà chùa, thỉnh-linh nghe bên ngoài phưong bát-âm trống kèn inh-ỏi, nhìn ra thấy một toán người đang khiêng chiếc kiệu trần, trên có một tượng Phật thiếp vàng, chung quanh che phướn đỏ lộng vàng rực rỡ. Đó là đám thỉnh Phật đến chứng-minh cuộc lễ hỏa-táng này.

Tôi bước ra ngoài nhìn mặt tiền Phật-diện thì lấy làm lạ sao mỗi gốc cột đều có treo một buồng dừa tươi và dựng cây chuối đã trụi lá dính lủng-lẳng một quây chuối còn xanh. Hỏi ra mới biết là đề cúng cho những oan-liên uồng-tử, tuyệt tự vô cư, đói khát vật-vờ.

Thông chế Pétain đã nói :

« Quốc dân nên hiểu rằng sự phục hưng đã bắt đầu mà các người đương noi đường chính. Lại nên hiểu rằng nước Pháp chẳng hề cải tổ nếu quốc dân không gia nhập bằng tâm hồn và ủng hộ một cách nhân nhục bền gan.

Lấy cốt (dục-choán). — Sau một tiếng đồng hồ hí-hục đập vỡ năm mộ đúc ciment, chiếc quan tài danh-mộc sơn đen lộ nguyên-bình toàn-vẹn trên mặt đất. Bốn lão « thầy chôn ma » Thầy gọi là ploucky, còn người (thầy cả gọi riêng là youky) đều có choàng qua vai đoạn vải trắng, đã sẵn-sàng đứng ở bốn góc quan-tài, tay đốt một nắm hương, miệng lầm rầm đọc chú. Lão thầy cả tay cầm đục, tay cầm búa bồng quát lên, liú lo một thời dài. Dứt câu, lão hét to một tiếng, dang tay búa đục mạnh vào cổ-quan. Nấp ván thiên theo đà tay của mấy lão ploucky bật ra một bên, để lộ lớp vải dày khâm-liệm đã mục nát xăm vàng. Tám bàn tay « chôn-ma » sẵn-sùì cẩu-ghét cùng thông-thạo bởi lột những đồ mục bỏ ra ngoài. Chỉ trong chốc-lát, bộ xương người khô dẹt hiện-hiện trước mắt mọi người. Tang-quyển đồng chấp tay ngồi chung-quanh quan-tài đọc ki-cầu nguyện qua những tiếng ki-than bi-thảm.

Lão youky đứng lên khởi làm phép dẫn đường cho vô hồn. Một tay cầm chiếc th

ĐÃ CÓ BÁN

Một quyển sách mà ai ai cũng nên đọc, dầu là người mạnh, người phôi yếu, người bị lao.

BINH HO LAO

những phương pháp ngừa lao, săn sóc người phôi yếu và tiếp dưỡng người bị lao.
Giá 4\$00

của Bác-sĩ LÊ-VĂN-NGŨN

TỔNG PHÁT HÀNH :

Hà Nội : Hiệu sách Đông Tây
195 Hàng Bông
Hà Nội : Hiệu sách Văn Hòa
29 Maréchal Pétain
Saigon : Nhà sách Nguyễn-
Khánh-Đàm, 12 Rue
Sabourain.

• Có in ít bản giấy đẹp hảo hạn g
Xin hỏi nơi Ông Nguyễn
Khánh Đàm.

con làm bằng cọng chuối, một tay nắm lấy sợi giây nhỏ đầu kia có buộc mảnh xương lóng tay, lão vừa đọc thần chú vừa từ từ kéo sợi giây cho miếng xương leo lên hết mấy bậc thang, thế là người chết dưới âm đã trở về.

Mấy lão ploucky bắt đầu lượm-lát những mảnh xương đề rồi người trong tang-quyển cùng tiếp tay với họ rửa ráy cho trơn sạch. Cả bộ xương xếp gọn vào một cái mâm, riêng xương sọ thì đặt trên hết, rồi phủ kín bằng vuông lụa màu.

Theo lời một cụ già người Thổ cổ giải nghĩa bằng tiếng an-nam cho tôi hiểu thì có tất cả ba thứ xương: xương vàng của hạng quan sang, xương bạc của người hiền-đức và xương sắt của kẻ hạ cấp bình-dân.

Thiết nghĩ kiến-giải ấy lập-luận cũng xác đáng trên sự nhận-xét ngộ-nghĩnh, vì hạng bình dân nghèo khổ, chôn ông bà cha mẹ thì chỉ việc ký gởi cỗ ván gỗ tạp dưới hố đất sâu, nước ngập lâu ngày chảy thối, thì bảo sao xương cốt không đen sao được. Trai lại hạng quan sang giàu có, quan tài gỗ tốt, mã lại đúc xây kìn đảo, nước không thể ứ-đọng thì xương sắc trắng, sắc vàng là lẽ dĩ nhiên rồi.

Khâm-liệm (run-choân). Mâm xương rửa sạch, rưới nước hoa, được đưa lên điện Phật nghe kinh trong một ngày một đêm mới đem khâm liệm để nhập-quan. Bên cạnh hài cốt ấy còn có ba mâm vương-hách nữa của người quyến-thuộc hết đã lâu, nay bốc mộ đề cùng "tiêu luân" cuộc.

Vì chỉ khâm-liệm hài-cốt, nên t-dụng cũng đơn-sơ. Ngoài trái một chiếc chiếu bông, trong giải lại khâm bằng lụa khò rộng, kể

bày ba cái hoành đều khoảng, rồi mới đặt cái tung, lại có đủ cả gối con sấp-nhĩ, tạ-thủ.

Đến giờ nhập-liệm, mấy lão ploucky kính cẩn đốt hương khấn-vái, lạng-lẽ ráp mỗi khúc xương theo thứ-tự từng bộ phận, cái nào chỗ nấy phân-minh, chỉ có đầu-lâu là được phủ-kín không cho ai thấy. Lão thầy cả cầm cành me nhúng vào chén nước nghệ, khẽ rảy trên bộ xương làm phép tẩy-uế. Xong, họ phủ tung, cột hoành và gấp khâm ghim kim hai đầu gọn ghẽ; họ rưới nước phép lần nữa rồi mới quấn chiếu lại.

Ba hài cốt kia cũng khâm liệm như thế.

Nhập - quan (đặc - c h o - masoutt). — khâm-liệm xong, bốn lão ploucky cầm hương đèn theo chân lão youky vừa đi vừa bi-bô tụng-niệm. Họ thành-kính đi ba vòng chung quanh bốn cỗ quan (vì thiên 4 hài cốt tất cả) như lối chạy đàn của thầy chùa ta.

Ngất-ngưỡng đứng trên bậc son tam-cấp cao quá bụng người, quan-tài của vong-giả cao lối tám-tấc tây (không kể nắp), dài hơn thước rưỡi miệng rộng, đáy nhỏ có chân quỳ ra hai tấc, bốn bề chạm trổ công-phu theo kiểu Thổ, nắp búp sen, chạm hình tháp tứ giác, trên đỉnh có ba ngù nhọn, đều sơn son thiếp vàng lộng lẫy.

Ba cỗ quan kia cũng một hình-màu thức nhưng ngoài chỉ dán giấy như đồ mã mà thôi.

Theo tay chỉ huy của lão thầy cả, bốn người kia nhanh-nhẹn leo lên bậc gỗ đỡ nắp quan và đặt nhẹ hài cốt vào trong rồi đẩy kín lại. Xong đầu đấy, họ lấy giấy nhỏ chạy bọc quanh bốn cỗ quan để làm phép yểm trấn quỷ tà.

Giờ, trước mỗi quan-tài đều có một thúng gạo, trên đề nôi đất, cuộn vải trắng, một sọ dừa và ít thứ hoa-quả: lương-phạn tiễn chân người chết lên đường về Tây-phương.

Tối đến, mấy nhà sư thuyết kinh cầu-nguyện cho vong-hồn. Chính giữa là ngôi bảo-tọa của vị lục cả già nhất, uyên-bác nhất, an-vị trên ghế cao chạm rồng. Tả hữu có hai ông lục nhì, ngồi trên lưng hai con kỳ-lân to lớn bằng gỗ chạm rất khéo, đều sơn son thiếp vàng. Tiếp theo giọng mở đầu của ba vị lão sư, bọn đệ-tử đồng thanh đọc kinh vang rền khắp điện.

Quan-tài hoàn lại hơn một ngày và một đêm cho kẻ thân bằng quyến thuộc đến tế-lễ phúng-diếu như tục của ta. Chiều hôm sau sẽ khởi sự đưa ra hỏa-đàn.

Hỏa - táng (bô - chya). — Ba hồi trống lớn gióng lên báo giờ phát-hành.

(Xem tiếp trang 19)

ĐÃ CÓ BÁN :

KHẢO LUẬN VỀ KIM-VÂN-KIỀU

ĐÀO-DUY-ANH

*

Quyển sách đầu tiên nghiên cứu và bình luận tổng quát về Nguyễn-Du và tác phẩm, có phụ cả *Thanh-hiên thi tập* và *Bắc-hành tạp-lục*.

Giá 2\$40

VÂN HÒA

29, Maréchal Pétain — Huế

**Cuộc tu-bổ ngôi mộ Thủ-khoa NGHĨA
tác-giả tuồng « Kim Thạch Kỳ Duyên »**

LỜI GỌI ĐỒNG BÀO

(Bản chỉ tiếp được bài này của Hội Khuyến học, Cần thơ, nhờ đăng)

HOA thơm cỏ lạ làm rực-rỡ cho cảnh vườn ; thi-sĩ văn nhân là vinh-dự của một nước. Ai đi qua các xứ văn minh sẽ thấy người ta quý trọng văn-tài đến thế nào. Đây là đền Panthéon ở Paris : bên tả là tượng đồng của Corneille, bên hữu là tượng đồng của J. J. Rousseau, hai thiên-tài chói lọi của nước Pháp. Đây là thành Tours ở tỉnh Touraine : trên bờ sông Loire, trước mặt thành, là hai pho tượng vĩ-đại Rabelais và Descartes, hai người con quý của xứ Touraine, hai ngôi sao sáng trong văn-giới...

Dân Việt-nam ta có tiếng là biết tôn hiền kính sĩ ; thế mà bấy lâu đối với nhiều bậc văn-nhân quá cố, hình như lãnh-đạm, bơ-thờ. Cụ Thủ khoa Bùi-hữu-Nghĩa ở làng Long tuyên, tỉnh Cần-thơ, trong khoảng 70 năm nay, đã đành ôm hận nơi chín 'suối. Rạch Long-tuyên vẫn còn ghi dấu vết của nhà ẩn sĩ với những buổi buông câu. Người Cần-thơ chắc chưa quên những bài thi thâm-trầm và một bồn tuồng ảo-não ?

Cớ sao bấy lâu nay chúng ta đành bỏ hẳn năm mộ của cụ Thủ-khoa ? Ai có đi qua một sở vườn cách tỉnh-thành Cần-thơ lối bốn cây số, sẽ thấy giữa nơi cây cỏ đìu-hiu, một nấm đất dãi-dầu với một tấm bia mờ tỏ. Ấy là nơi cụ Thủ-khoa, nhà thi-sĩ, an giấc ngàn thu. Đứng trước nấm mộ điêu-tàn, hỏi ai là người không động lòng hoài cảm ? Dầu cho

con cháu cụ Thủ-khoa rúi gặp cơn sa-sút phải đành xao lãng, dầu cho khách qua đường vì mưu sống phải chịu hững-hờ, còn ai là kẻ hăm mộ văn-chương, ai là, người giàu lòng bác-ái, há đành quên một bậc tài-hoa ? Tượng đồng, bia đá đã chẳng được như ai, thời ít nữa một ngôi mộ ẩm-cúng, trang hoàng, đề an-ủy vong-linh người xấu số...

Nay có Hội Khuyến-học Cần-thơ đứng ra lãnh phần tu bổ ngôi mộ ấy. Hội đã được Chánh-phủ cho phép mở cuộc lạc quyền từ đây cho đến cuối Septembre 1943.

Xin quý ngài rón giúp cho cuộc lạc quyền ấy được kết quả mỹ mãn. Trong khoảng bốn tháng đây, xin quý ngài gởi hoặc đóng tiền cho ông Trần-dắt Nghĩa, thủ quỹ hội Khuyến học Cần thơ. Đến 30 Septembre 1943, cuộc lạc quyền sẽ khóa sỏ. Ông thủ-quỹ nhận thâu số tiền, sẽ giao hoặc gởi biên lai cho ngài, rồi hội Khuyến-học sẽ lần-lượt đăng phương danh những nhà hảo tâm lên mặt báo. Khi ngôi mộ tu-bổ xong, hội sẽ làm một tấm bia đề nêu phương danh quý ngài và số tiền quyền, và sẽ mời quý ngài đến viếng mộ.

Hội đồng - bảo ! Đây là một việc nghĩa rất chánh-dáng ; đây là một cơ hội tốt để tỏ tấm lòng kính quý nhơn tài.

Ban Trị-sự :

HỘI KHUYẾN HỌC CẦN-THƠ

Quán biên thùý

(Tiếp theo trang 11)

lòng dâng lên cuộn cuộn đã thẳng những tình cảm nhất thời ấp ủ trong đáy tim mà lưu lại tiếng thom muôn thuở.

Kết luận

Corneille đã có câu thơ bất hủ :

Pour grands que soient les rois, ils sont ce que nous sommes.

Nghĩa là : Các bậc đế vương dù cao sang đến bậc nào chẳng nữa, cũng vẫn là người như chúng ta. Tôi muốn nói thêm : xưa nay những bậc anh hùng, liệt nữ cũng vẫn có đủ thất tình như thế nhân.

Cho nên cuộc phân đầu dù về đường tinh-thần hay vật-chất càng gay go thì sự chiến thắng lại càng oanh-liệt. Ta kinh phục Kinh-Kha bao nhiêu thì ta lại càng ảm-bất nhiều, vì chàng rất gần nhân-loại, ta có thể .. kết bạn được với chàng nếu sinh cùng nước, cùng thời với ta..

Viết vở Quán biên-thùý ông Thao Thao mong có những vở kịch thơ bằng tiếng Việt, một ngày kia sẽ được đem giảng ở trong các lớp học, dùng làm những bài học thuộc lòng. Nhưng trước khi có cái ngày vẻ vang ấy, chúng ta phải thấp hươg cầu nguyện cho nước ta sẽ sản xuất được một nhà soạn bi-kịch như Corneille, Racine, hay một nhà soạn hài kịch như Molière.

Tuy chưa được hoàn toàn, nhưng vở Quán biên-thùý đã đem lại cho ta những phút say sưa, mơ mộng..

Ta còn kỳ vọng nhiều ở người hút sắc-sảo, mạnh-mẽ của ông Thao Thao.

HỘI-THƯỜNG

N. B. — Đến 29 Mai 1943, Thanh-niên Tá (từ Nghệ-sỹ Liên-hiệp (L'Union des Jeunes Artistes Amateurs) sẽ diễn vở kịch thơ này ở Nhà hát Fay Hanoi, lấy tiền gút nhúng nạn nhân bị ném bom ở Hải-phong

NGUYỄN-TRIỀU TRUNG-HUNG CÔNG-THẦN

TRUNG-QUÂN

NGUYỄN VĂN TRƯƠNG

(1740 — 1810)

Số 3

NGUYỄN TRIỆU

QUÂN Tây-sơn tiến sát đến lũy Trấn-ninh. Nguyễn-vương bên sai quân trên mặt thành bắn súng thần-công ra : quân địch chết hại đến hai nghìn người, song vẫn cứ kéo đến, xô tranh nhau mà leo lên thành đông như kiến.

Quân nhà Nguyễn ở trên núi ném đá xuống làm cho quân Tây-sơn chết hại rất nhiều. Bùi thị-Xuân ngồi trên mình voi, đốc quân vào, cố chết mà đánh tự sáng đến chiều cũng chưa chịu lui.

May lúc bấy giờ, thủy-quân của Trương ở ngoài bể, được có gió đông bắc thổi mạnh, xông đến đánh phá tan được đám hải-quân của Tây-sơn bắt được hơn 20 chiếc thuyền chiến và còn thì bỏ chạy cả. Bộ-binh Tây-sơn nghe tin thủy-quân đã bại, cả sợ, vỡ tan mà chạy. Tướng Tây-sơn là Nguyễn-văn-Kiên quy-hàng nhà Nguyễn.

Quang-Toản và Bùi thị-Xuân đem đám tàn quân chạy về Bắc và đề Nguyễn-văn-Thận ở lại giữ đất Nghệ-an.

Sau khi phá tan được quân Tây-sơn ở lũy Trấn-ninh rồi, vua Nguyễn rút quân về Phú-xuân, đề Nguyễn-văn-Trương ở lại giữ Đồng-hới và Tổng-phúc-Lương cùng Đặng-trần-Thường án thủ Linh-giang.

Mồng 2 tháng 5 năm ấy, Nguyễn-vương lên ngôi Hoàng-đế ở Phú-xuân đặt niên-hiệu là Gia-long.

Khi ngài cất quân ra đánh ngoài bể, Trương phụng-mạng điều-vật thủy-bình đi trước, đến cửa Tiền-

hải đánh phá tan được thủy-dồn của quân địch : Đô-đốc Tây-sơn là Nguyễn-văn-Ngô và Nguyễn-văn-Lực đều thua chạy. Quân nhà Nguyễn thừa thắng, đánh phá tan được đám thủy-quân của Nguyễn-văn-Thận, bắt được chiến-thuyền, súng đạn và lương thực rất nhiều, rồi tiến thẳng ra Sơn-nam hạ-trấn (1).

Thống-binh Tây-sơn là bọn Dương thất-Nguyên và Ngô tam-Đồng vốn là bọn giặc-bề, lên bộ cự chiến, Trương thúc quân đánh vào hai mặt, bắt được cả bọn ấy. Thái-úy Tây-sơn là Nguyễn-văn-Thọ phải nộp thành xin hàng.

Tháng 6, vua Gia-long ra đến Thăng-long, bắt được bọn Nguyễn-quang-Toản. Tây-sơn từ đấy mới là hoàn-toàn sụp đổ.

Năm Gia-long thứ 2 (1803), Trung-quân Nguyễn-văn-Trương dâng sớ xin cáo lão hồi-hưu, song nhà vua không cho.

Tháng 8 năm ấy, Thánh-giá Bắc-tuần, Trương lại cùng với Nguyễn-đức-Xuyên, Lê Chất đem quân đi hộ-giá. Bấy giờ có bọn giặc bề Tề-nguy có hơn 100 chiếc thuyền vào sông Bạch-đăng cướp bóc, Trương lại phụng-mạng hiệp binh với Nguyễn-văn-Thành đi tuần-tiểu ; giặc được tin phải bỏ chạy cả rả bề.

Tháng hai năm ất-sửu niên-hiệu Gia-long thứ 4, (Février 1804), Nguyễn-văn-Trương phụng-mạng vào tông-trấn thành Gia-định thay cho lưu-trấn Nguyễn-văn-Nhân,

được hai năm thì lại có chiến-triệu Trương về kinh. Đến năm canh-ngọ (1810), Trương từ trần, thọ 70 tuổi.

Vua Gia-long lấy làm thương tiếc vô cùng, tặng cho là Thái-bảo-quận-công, lại ban cho một cỗ áo-quan bằng gỗ giáng-hương và một nghìn quan tiền. Hôm đưa đám, Hoàng-đế ngự thuyền rồng ra bến Hương-giang để đưa ma và sai các quan về nhà dự tế.

Đến thời vua Minh-mạng, ông Trương được truy phong là Đoan-hùng-quận-công. Ông là người nhân hậu, tuy là võ-quan song không hay giết hại người ta.

Khi còn là tướng của Tây-sơn đánh nhau với quân nhà Nguyễn, có khi quân Nguyễn thua chạy, uầy cả xuống sông, quân Tây-sơn cầm giáo đâm theo xuống thì ông ngăn lại mà rằng : « Thừa lúc người ta nguy khốn mà đánh, không phải là tài-giỏi. »

Vua Gia-long thường khen rằng Trương làm tướng mà có lòng nhân-tử, ít người được như vậy. Sau khi đã quy-hàng nhà Nguyễn, nhiều phen lập được công to, người ta gọi ông là phúc-tướng. Ông lại cẩn-thận và giữ phép, chứ chẳng cậy nhiều công-lao mà khoe khoang điều gì, cho nên tuy là háng-tướng mà vẫn được vua Gia-long đem lòng quý mến từ trước tới sau, không ai được như thế.

Ông có ba con trai là Huyền, Văn và Ngoạn. Huyền, mất sớm có con để lại tên là Minh làm đến chức Cai-đội. Con Minh tên là Lược, trải làm đến Vệ-úy Tiền-phong đình tập phong tước là Đoan-hùng-Tử.

Văn, khi còn nhỏ, phải tật đi mũi, không nói được rõ, trước cùng cha theo hàng chúa Nguyễn, thường phụng-mạng đi chiến-dự

được Đô đốc Tây-sơn là Cúc theo hàng, sau lại theo vua đi đánh, phá tan được đám quân của Phạm văn-Thành, vì có công nên được cất lên làm Trung quân dinh Cai đội. Năm Quý-sửu (1793), Văn lại theo ra đánh Quy nhơn, thuyền gặp gió trôi dạt vào bờ bãi, bị bên địch bắt được; sau lại trốn thoát, đi chiêu tập nghĩa-binh, lập nên vệ Chấn-phong theo Nguyễn kế-Nhuận đi đánh giặc mán, rồi lúc về được thăng lên Vệ-úy.

Năm Tân-dậu (1801), Văn lại theo ra đánh Thi-nại, có công đốt phá thuyền địch, tiến đóng ở xã Phương-phi để làm thanh-ứng cho Tổng viết-Phúc. Rồi lại theo ra

đánh Quảng-nam. Sau khi khắc phục được Phú-xuân thì Văn được thăng lên làm Khâm-sai Chưởng-cơ kiêm quản 5 đồn Trung-quân.

Năm Nhâm-tuất (1802), Nguyễn quang-Toản thua chạy ra Bắc, Văn cùng với Tổng phúc Lương đem binh thuyền ra chặn đường, bấy giờ Quang Toản vừa qua được Linh-giang thì quân Nguyễn kéo đến, quân Tây-sơn tan vỡ chạy, quân Nguyễn bắt được 50 chiếc thuyền lương và 700 người.

Đến tháng 8 lại theo phụ-thần ra Bắc hà, đánh đầu được đấy. Lúc Thánh-giá hồi loan, Văn được thăng lên làm Trung-quân Phó-Tướng và trải làm đến Thần-sách-

quân Tiền-dinh Đô-thống-chế.

Về thời trung-hưng, Văn cũng có lập được nhiều công rực rỡ, sau khi đại-dinh, lại siêng năng làm việc nước, thực xứng đáng là một người con ở cửa tướng vậy.

Ngoạn là con thứ ba, thừa nhỏ cũng có theo phụ-thần đi chinh-chiến, lập được nhiều công, làm đến Vệ-úy và được kén làm phò mã lấy Bình-Thái công-chúa là con gái lớn vua Gia-long.

Sau trải làm đến Khâm-sai Thống-chế. (Hết)

NGUYỄN TRIỆU

Đón co kỳ tờ · T. quân Lê van Duyệt

(1) Từ la V hoàng (Nam-định).

Tục hỏa táng của người Thổ (Tiếp theo trang 16)

Đi đầu là chiếc long-dinh che đong, bốn mặt phủ màn, trong ngồi một vĩ lục cả che quạt đọc kinh. Kế đến những người trong tang-quyển mặc đồ trắng may sớ gấu đi hai bên sợi thừng dài buộc liền long-dinh với nhà táng, thường gọi là nhà vàng chạm trổ rất công phu (những vật này của tang-chủ làm ra, rồi đám sẽ đem cúng vào chùa tất cả). Linh-cữu đặt trong nhà vàng, bốn hướng có bốn ông lục đứng lâm-râm tụng niệm. Sau rốt là chiếc nhà táng khiên ba cỗ quan nọ.

Cả đoàn chầm-rãi đi dưới nắng chiều theo tiếng kèn trống buồn rầu của phường bát-âm không một - mối.

Đến đoàn thiên, đi chung quanh ba vòng mới dừng lại. Bọn đô-tùy khiêng linh cữu đặt trên nền đất khô khan. Những thanh củi tẩm dầu « săng » chất đồng trước đầu và dưới đây quan-tài đang chờ đợi mỗi lửa. Tang-nhân cùng bọn

« thầy chôn-ma » đốt hương đi chung quanh linh-cữu đọc kinh rồi mỗi người đều quăng nắm hương đang cháy dờ vào quan-tài đã mở bỏ nắp.

Một hồi trống báo hiệu. Một cây pháo « chuột » từ xa chạy đến xẹt vào đồng củi. Lửa cháy bùng lên Bốn cỗ quan đề cách khoảng đồng cháy một lượt. Gió thổi bạt ra phía sau, lửa ngùn-ngụt nuốt lấy mấy cỗ quan.

Ngồi trên gió, mấy ông lục ngân nga đọc bài khóc Phật nghe thăm-dạm.

Văng tịch dương đã tụt xuống chân trời Đêm tối đưa đến những mảnh sau rung rinh lấp lánh, như đèn chia buồn cùng tang-gia đều cạo đầu báo hiếu đang đứng trầm ngâm bên đám khói mịt mù.

Chỉ trong ba tiếng đồng-hồ, cả bốn cỗ quan đều cháy rụi. Sau khi ném cái nôi đất vào đồng tro tàn làm phép, người nhà xúm lại hượm những mảnh xương trắng vụn rơi bề-bộn trong đám than tro đen dứa. Xương ấy đem rửa

sạch đựng vào lọ sành hoặc hộp bạc để đưa ra ngôi tháp cất bên nhà (hay tại chùa) gìn-giữ muôn đời. (Người nghèo thì đem xương gói trong chùa cả).

Thế là báo-đáp ân-đức sinh thành đã được toàn-vẹn.

Trừ những phùng tộc còn dã-man như vài giống mọi châu Phi, châu Úc au thì người hay chặt thây người làm mồi cho điều-thủ, tất cả mọi người trên dương-thế đều kính-trọng người chết, nhất là người chết ấy lại là kẻ đào-tạo ra mình. Dầu tục lệ mỗi xứ có khác, nhưng ý-ghĩa vẫn như nhau.

Cứ như lòng tin-nguỡng của nhân-loại, thì ng ời ta tuy chết đi nhưng vẫn còn liên-lạc ảnh-hưởng đến kẻ sống. Bởi thế, kẻ sống chẳng những không bao giờ dám ngạo mạn với người chết mà còn van-vai cầu-khẩn với linh ấy về phước-lộc cho mình.

Tưởng-niệm như thế, dân nào cũng rất g dạm khinh-thực việc tang-chi. - Đ. HOANG-L.

« GỐC, TÍCH LOÀI NGƯỜI »

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

I NG Nguyễn đức Quỳnh có biên-khảo một quyển sách đề là *Lịch sử thế giới: Gốc tích loài người*, đăng trong *Văn mới*, số 9 và 10, ra ngày 25 tháng tư tây vừa rồi, do nhà Hàn-Thuyên xuất-bản.

Van viết rõ-ràng mà giản-dị, thật là bổ ích mà hợp-thời: loài người đến lúc mặt-vận, nên nhớ đến « luật tiến-hoá » và « giá-trị con người ».

Những loại sách như thế, chưa ai làm bằng quốc-ngữ, nay quyển này xuất-hiện trước tiên, tất không khỏi sai-nhầm và thiếu-sót. Tôi tưởng, nên nói qua ba bốn chục trang trên, còn ở dưới tác-giả tự đính-chính lấy.

Trang 32 tác-giả viết một câu rằng: « Cũng cùng một quan niệm thiên địa vạn vật nhất thể trong sự thiết định địa vị con người giữa hoàn vũ, cũng cùng một cách hình-dung sự-vật bằng số học (kinh Dịch và học thuyết Pythagore; Lý độc nhất của phái Eléates và Lý-thái-cực của đạo Khổng-phu-tử), lại cũng vẫn cùng một xu hướng đạo đức trong việc tìm chân lý hiểu biết vũ-trụ để tìm ra đạo làm người của Socrate (468-400) và của Nho-gia ».

Nói kinh Dịch là số-học và lại ép liến với học-thuyết Pythagore có lẽ dễ nhầm, vì số học là toán-học, dùng sang nghĩa ta mới thêm là môn học số học.

Kinh Dịch do bốn bậc thánh nhân đời thượng-cổ phát-minh ra

cái lý của giới với người: bài biểu của bảy-tôi nhà Thanh, tâu vua Khang hy, có câu: « *Dịch-kinh* giả, nãi thượng-cổ tứ đại-thánh triệu-phát thiên nhân chi áo-uần ». Trong hệ-từ đức Khổng-tử nói rằng: « Kinh *Dịch* tại, sao làm ra? Là sợ người ta mê đường cát hung, mà phải bảo rõ cái được là cát, cái mất là hung, sợ người ta nhầm đường xu ty, mà bảo tốt nên xu, xấu nên ty: phạm cái lý giới đất muôn vật, cái số « đầy voi và mìn lớn » (doanh-hư tiêu-tức) đều đủ cả trong kinh *Dịch*... tóm tắt là cái đường-lối của thiên-hạ » (*Nhật giảng Dịch-kinh*, quyển 16, tờ 28 b).

Như thế là không nói gì đến số học; nhưng vì có chữ « thiên-địa nhân-vật chi lý, doanh-hư tiêu-tức chi số », nên có khi gọi kinh Dịch là lý-số; chữ số này khác với số học là toán-học.

Trang 34, ông Nguyễn - đức - Quỳnh chép « đời nhà Tống (thế kỷ XI) có phải tượng số học, do Trần Đoàn và Thiệu-Huy thiết lập, cũng vẫn bắt rễ ở thuyết, số học của Nho giáo và Lão giáo ». Chỗ này cũng nhầm và không rõ nghĩa. Nguyên Hoàng-tông-Hy triều Thanh có làm một bộ sách đề là *Dịch học tượng-số luận*, trong bài tựa có mấy câu rằng: « Kinh *Dịch* đến Kinh-Phong và Tiêu-diên-Thọ thì thiên về phương thuật, đến Trần-Đoàn lại rẽ vào đường khác là Đạo-gia (tức Lão-giáo), học-giả thất chân (mất sự thực), Tống-Hy sợ mỗi ngày mỗi thiên xa mãi đi, mới làm bộ

sách tượng-số này đề trị đến cõi rã ».

Như thế càng rõ kinh *Dịch* không phải là số-học, mà chữ « Nho-giáo và Lão-giáo » dùng sai, bởi hai đạo khác nhau. Đáng lẽ đoạn ấy nên viết như thế này thì mới dễ hiểu: « Đầu đời Tống (khoảng năm 960-997, chứ không phải thế-kỷ XI) có nhà tượng - số - học là Trần - Đoàn, nguyên học ở kinh *Dịch* của nho-giáo, rồi rẽ sang đường khác là Lão-giáo ».

Đến những đoạn nói về tiền-sử, ông Quỳnh chỉ chép các nước ngoài, không nói chi đến Đông-Dương.

Những sách của H. Mansuy (*La préhistoire en Indochine. v. v.*) M. Colani (*Notice sur la préhistoire du Tonkin v. v.*) khảo-cứu về xương-cốt và đồ-dùng của thời thạch-khí, đã chia ra từng thời-đại, gọi là thời-đại Bắc-sơn, thời-đại Hòa-bình, v. v. đáng lẽ phải chép vào quyển *Gốc tích loài người* vì có dính-dáng đến các giống nòi ở Đông-dương.

Lại có một thời-kỳ gọi là cự-thạch-bì, là thời-kỳ dùng những khối đá lớn để làm kỷ-niệm hoặc để xây nhà: ở hạt Xuân-lộc, tỉnh Biên-hòa, có ngôi nhà xây bằng cả tảng đá (xem H. Parmentier, *Vestiges mégalithiques à Xuân lộc*); bên Lào thì ở Trấn ninh có những chum đá to, có chiếc vại người đứng lọt (xem M. Colani, *Mégalithes du Haut Laos*).

Sau đến thời-kỳ gọi là thanh-đồng thời-đại (xem V. Golubeur, *L'âge du bronze au Tonkin et dans la Nord-Annam*): ở bên ta có nhiều thứ trống đồng to, chạm khác nhiều kiểu; lại tìm

ĐỌC SÁCH

LE PAYSAN TONKINOIS À TRAVERS
LE PARLER POPULAIRE

GẤY thứ năm 19
Décembre 1929,
Hội Địa-Dư Hanoi
có tổ-chức một
cuộc diễn-thuyết.

Diễn-giả, quan Thượng-thứ Phạm-Quỳnh đã khéo chọn một đầu-đề vừa hợp với chương-trình truyền-bá của hội, lại rất thích-hợp với trình thể hiện-thời và phong-trào phát triển của văn-chương Việt-nam. Với cái đầu-đề: *Le paysan tonkinois à travers le parler populaire* (Người dân quê Bắc-Kỳ tả qua lời văn bình-dân), trong 68 trang giấy in, diễn-giả, bằng giọng văn lưu-loát của một ngòi

bút linh-dộng đã khéo trình bày cử-tọa (phần đông là người Pháp) cái tinh thần đặc-biệt của dân-tộc Đại-Việt, và bệnh-vực cái tinh-cách thuần-túy của nền văn-hóa cổ-hữu của ta; cái hay, cái đẹp của các câu ca-dao, tục-ngữ.

Trải bao nhiêu đời nay, trong khi các nho-sĩ mãi miết về cái học từ-chương đề theo đuổi con đường cử-nghiệp, trong khi các thi-sĩ ngâm hoa vịnh nguyệt bằng những câu thơ hán, thì trong dân-gian, có biết bao các nhà văn bình dân hoạt-động một cách êm lạng lăm, giàu cho cái kho quốc-văn vô giá của ta, bằng những câu ca-dao, tục-ngữ

Ca-dao tục-ngữ là một lối văn vần tổ-truyền, mộc-mạc, hồn nhiên, đã vang ra từ những nơi nọp cao, rừng thẳm, trên giòng sông, mặt biển, trên đồng lúa bao la bát ngát. Ca-dao, tục-ngữ là những tiếng vang dội của đáy lòng người dân-quê chất phác.

Ca-dao, tục-ngữ tiêu-bien cho cả một đời nông-dân, vất-về, khuyến-khích nông dân trong cảnh sinh hoạt nông-tang.

Ca-dao, tục-ngữ là những câu trào-phúng, mỉa mai những đời phong hủ-lục, những bành-vi phi-pháp và bất công của đời.

Giọng nhẹ nhàng nhưng hùng tráng, bình dị nhưng sâu-xa, những câu ca-dao, tục-ngữ đã giữ vững được cái tinh-thần đặc-biệt của dân-tộc ta, một dân-tộc đã gặp biết bao trở-lực trong cuộc sinh-tồn đời họ qua đời kia.

Các nhà văn bình-dân vô-danh

đã hy-sinh biết bao tâm-lực, đã làm việc trong êm lạng để làm giàu cho cái kho văn-học Nam-Việt.

Được hưởng cái di-sản vô cùng quý báu của tiền-nhân để lại, ta cũng nên duy-trì và tài bồi thêm lên, để mãi mãi ta có thể tự-hào là có một cái tinh-thần đặc biệt.

Quan Thượng Phạm đã khéo mô-tả tinh thần dân quê, cuộc sinh-hoạt nông-tang, từ trên lưng con trâu đến cảnh đồng lúa mảnh mông bát ngát, từ trong túp lều tranh cho ra đến ngoài lũy tre xanh, đến đầu đuôi xen những câu phong-dao rất có ý vị. Những câu phong-dao đều được phiên-dịch một cách khôn khéo và sát nghĩa. Dịch văn xuôi đã khó, mà dịch văn thực không phải dễ. Đã không dễ mà dịch được sát nghĩa, có thể khiến cho độc giả người Pháp lĩnh-hội được, ta phải phục tài tác-giả.

Ấy nhờ ngọn bút linh-hoạt của tác-giả, mà bấy lâu ta đã tự hào là có một cái văn-hóa cổ-hữu, lại càng thêm vinh-dự được người ngoại-quốc biết tới cái kho văn-học độc-nhất vô song của ta.

14 năm qua! Bài diễn-văn *« Le paysan tonkinois à travers le parler populaire »* của quan Thượng Phạm vẫn giữ nguyên giá-trị và gần đây được Thư-xã Alexandre de Rhodes xuất-bản thành sách.

Sách dày 68 trang, bìa vẽ và trong có nhiều tranh ảnh của họa-sĩ Mạnh-Quỳnh; trình bày mỹ-thuật, giá 0 \$ 80.

Xin cảm tạ Thư-xã Alexandre de Rhodes đã tặng sách và giới-thiệu với độc-giả Tri-Tán và tác-phẩm quý giá.

NHẬT-NHÀ

thấy những mũi tên và các vật dụng bằng đồng hiện bày ở viện bảo-tàng Hà-nội (Musée Louis Finot) và Sai-gòn (Musée Blanchard de la Brosse).

Kể ra quyền *Gốc tích loài người* còn có nhiều chỗ sai-nhầm thiếu-sót; nếu viết mãi thì hình như « bới lông tìm vết ». Tôi chỉ nói thêm một câu rằng: quyền này tuy có nhiều đoạn rõ-ràng, nhưng cũng có nhiều đoạn kém. Đáng lẽ những sách nói về khoa-học, phải dùng những chữ thông-dụng dễ hiểu; ông Quỳnh viết nhiều câu dài quá và dùng nhiều chữ quá (như mấy câu tôi đã dẫn trên kia ở trang 31-32); nhiều chữ nho mà lại theo văn tây thành ra khó hiểu.

Tuy vậy, quyền này cũng như người lính tiên phong, đầu được hay thua cũng là có công to đấy.

Ứng Hòa NGUYỄN-VĂN-TỐ

TIỂU THUYẾT LỊCH SỬ

ĐÊM HỘI LONG TRÌ

Số 20

NGUYỄN HUY TƯỜNG

LƯƠNG Ngự-sử nói :

— Quận chúa bảo, chúng tôi đâu dám không nghe, chỉ nghĩ Chúa-thượng đã giao-phó cho việc bảo-hộ Quận-chúa, nay thấy biến lại bỏ đi không những chúng tôi hổ với tâm-linh, mà còn lỗi đạo thần tử. Chúng tôi sống chết xin ở đây.

Khê trung hầu cũng nói :

— Quận-chúa đừng lo cho chúng tôi. Đây là lúc chúng tôi báo ân Chúa-thượng. Xin Quận chúa cứ để mặc chúng tôi xử-tri.

Hai vị đại thần vừa xuống thì cửa lầu vừa mở, lũ vô-lại ùa-ùa vào, Đặng-Lân đi trước. Hân cười đắc-sách :

— Ta đã bảo mà, hai thành già đại thì chết.

Khê trung-hầu thét :

— Đây là nơi Quận-chúa ngự. Chúng bay kéo ra ngay ; Chúa-thượng không dong những quân phiến loạn.

Một trận cười khinh bỉ đáp lại nhời nói của Khê trung-hầu. Đặng-Lân chỉ vào hai vị đại-thần, nói một cách ngạo-nghe :

— Chúng bay đã biết uy cậu Trờì chưa ? Nay chúng bay đã ở trong tay tao quỳ xuống chầu tội thì cũng được tha cái chết.

Lương Ngự-sử quát :

— Bước ngay, quân vô-lại. Ta đường-đường một chân khoa-bảng, một vị đại-thần, trừ Chúa-thượng, ai bắt ta quỳ được ?

— Tao bắt được. Mày có quỳ không ?

— Ra ngay, vào đây là mua lấy cái chết.

— Mày nỏ mồm, cậu có Chúa-thượng mà sắc lão với tao sao ? Bay đâu, trời cồ nỏ lại !

Khê trung-hầu nói :

— Phò mã không được làm càn. Trời vị đại-thần, đại diện không phải nhỏ.

Tên hoạn quan kia, tao trói cả mày, xem Chúa-thượng có nói gì không. Bay đâu, trời cồ hai thằng già cho chúng bớt thói ngang ngạnh !

Đặng-Lân nói xong, sấn-sỏ lên lầu. Lương Ngự-sử cản lại, sấn tay cầm chiếc hốt, giáng mạnh vào mặt Đặng-Lân. Tránh không kịp, bị hốt đánh vào trán, hân gục lên, nghiêng rống nói :

— Thế thì mày phải chết. Bay đâu, đánh như tửu thằng giặc già này cho tao.

Chúng xông vào. Lương Ngự-sử vốn có sức khỏe, tả xông hữu đột, chống cự rất hăng-hải. Khê trung-hầu định ra giúp bạn, lại sợ đề ngộ lỗi lên lầu. Đang lúng túng, thì Đặng-Lân sấn lại Hân nói :

— Phò mã không được lên.

Lân điên tiết, hỏi :

— Mày điên sao ? Đã đến nước này còn bướng hão.

Khê trung hầu bỗng rú lên một tiếng. Một tên vô-lại bỏ một tay thước trúng giữa đầu Lương Ngự-sử, khiến cho vị đại-quan ngã xuống, chỉ kêu được một tiếng :

— Chúa-thượng muôn năm.

Lũ đầu trâu mặt ngựa xúm vào, dấn vị đại-thần tui bụi, không tiếc tay.

Khê-trung-hầu giột lệ rùng-rùng, nói một mình :

— Chúa-thượng ơi ! Hạ thần cũng xin theo gương quan Ngự-sử để đáp ân Chúa-thượng.

Đặng-Lân hất hàm hỏi :

— Còn thằng hoạn-quan này, đã biết đời chưa ?

Khê-trung-hầu nghiêng rống nói :

— Tội ác chúng bay tày trời, tao vai lòng chết, nhưng chết để báo oán

chúng bay, để trả thù cho những kẻ bị chúng bay ức-hiếp, để trả thù cho bạn ta. Chúa-thượng ơi ! Thần xin vĩnh biệt.

Hầu thu hết sức già, thoi một quả dấm rất mạnh vào mặt Đặng-Lân. Hân tránh được, và nhanh chân, đá một cái vào giữa bụng viên thái-giám ấy.

Khê-trung-hầu ôm bụng, ngồi sụp xuống. Đặng-Lân tức giận, giáng một chiếc gậy trong tay một tên gia-nhân, vụt tới-lấp vào đầu, vào vai, Khê-trung-hầu, hân-học nói :

— Mày muốn chết thì cho mày chết.

Quận-chúa đã mấy lần định xuống lầu. Nàng chắc rằng Đặng-Lân và bọn vô-lại sẽ nề nàng hơn. Nhưng nàng không có đủ can-dảm, và Ái-Thị, Ái-Nhạc cứ giữ chặt lấy nàng, không cho nàng đi một bước. Sự dâm-dật và thái độ hung-ngược của Đặng-Lân làm cho nàng ghê tởm và lo cho chính thân nàng. Nàng xót-xa nghĩ :

— Đó là chồng thiếp đây ư ? Trời hỏi trời ?

Ái-Nhạc bỗng niu lấy áo Quỳnh-Hoa :

— Chúng nó đánh quan Ngự-sử vỡ óc chết rồi ! Quận-chúa ơi ! Khê-trung-hầu cũng chết mất !

Quận-chúa bưng mặt, oà lên khóc. Hai con Ái-Thị, Ái-Nhạc thương chủ và lo sợ cũng ôm lấy Quận-chúa mà khóc.

Rèm gấm rung-rinh, ba người ôm chặt lấy nhau, cùng hét lên một tiếng hãi-hùng. Đặng-Lân cười khanh khách, rùng-rợn như tiếng cười yểm-ma. Hân nói :

— Quận chúa đâu, ra đây cùng tôi nói chuyện.

Thấy Quỳnh-Hoa không nói gì, Đặng-Lân bước lại. Ba người thiếp nữ lại rú lên, như đứng trước một

hiện tượng hãi hùng. Họ chúi mặt vào nhau, không dám nhìn ra phía rềm rừng. Đặng-Lân đã tới gần: họ không tự chủ được nữa, đẩy nhau chạy rồi rồi một ngã. Lân đi rồi theo Quận chúa:

— Quận-chúa! Quỳnh-Hoa em! Em không phải sợ.

Quỳnh-Hoa đã đứng cả chân lại. Lân đã nắm được giầy lưng nàng. Quận chúa không còn hồn vía nào nữa, nàng hét lên một tiếng, ngã gục xuống, mê man bất tỉnh nhân sự. Đặng-Lân ôm nàng vào trong bọc. Hân ngấm khuôn mặt ngáy thơ và miệng hoa kiều-diễm. Tay cục mịch đưa lên sờ-trơn đôi má nhung. Cả cái thủ-tĩnh trong người con sắc quý nổi dậy, hân ghi chặt cái thân hình dài-các, say-sưa với hương thơm của son phấn, và vẻ dịu-dang của sắc đẹp. Mắt Đặng-Lân đầy một vẻ thẹn-thường, như mắt một đứa trẻ trước một tròng quả ngọt. Hân nắm bàn tay nhỏ nhắn và trắng muốt, cúi xuống hôn vào má nàng chần chịt, như con lợn liếm.

(Còn nữa)
NGUYỄN HUY TƯỜNG

Kỳ sau:

Việc thâu phục nước Thủy-xá và

Hỏa-xá

HOÀI DŨNG

Phê-bình quảng-cáo

KIỀU THANH-QUẾ

Kadôp và Kadoek (chuyện xưa chàm)

Mãn khách DƯƠNG KỶ

Phê-bình « Nhà văn hiện đại » (quyển

hai)

KHIẾT-PHỦ viết

Tiểu Học Đồng-dương

(Tiếp theo trang 9)

là phận-sự anh em ta. Vì anh em phải gắng lên, vì hiện nay tuy có điều mừng mà cũng còn phai lo vì thiên-hạ còn có kẻ làm an tiếng An-nam, kết cho cái tội nghèo, nghèo khôn nghèo nạn, nghèo cho đến nỗi không đủ mà dạy được trẻ con nhà quê, phai lấy chữ tây thế vào!

« Gần đây tôi có vận-dòng trong báo tây — vì báo ta vô hiệu — đề xin lấy chữ quốc-ngữ dạy các trường tiểu-học và cho thi tốt-nghiệp tiểu-học bằng quốc-ngữ; người ta lấy cái tội nghèo của tiếng An-nam mà phan-dôi lại.

« Tiếng An-nam có quả nghèo không? Anh em ta phải phá cho ra cái nghi-án thiên-cổ đó! »

Đây là mấy câu trích ở những bài của ông Nguyễn Phan Long trong báo « Echo Annamite » năm 1922:

« Chữ quốc-ngữ là một cơ quan phổ-thông rất mẫu-nhiệm, đề phổ-thông trong đám dân Việt-nam và trong tiếng tổ-quốc dân ấy, cái khoa-học và cái tư-tưởng của nước Pháp mà hiện nay họ còn chưa biết... »

(Còn nữa)

NGUYỄN NHÂN

Giới thiệu.

Thi hào Tagore của Nguyễn Văn Lai giá 4\$80 do Tân-Việt xuất bản.

Sách dày 400 trang, bla in hai màu và cách trình bày có màu sắc đặc-biệt Á-đông.

Nội dung cuốn sách chia làm năm phần: Thời kỳ phục hưng của xứ Bengale — Sự thai nghén một thiên tài — Thơ Tagore — Tư tưởng Tagore — Hoà bình viện — Cuối sách thêm mục: Tham khảo thơ loại.

Sách viết rất công phu và đầy công khảo cứu: đáng khen. Tác giả đã dùng một phương pháp rành mạch phân tích thơ Tagore để cổ hiều nhà đại-thi-hào ấy của Ấn-Độ.

Nhiều tài liệu của tác-giả phần nhiều chưa ai nói đến bằng Quốc-văn. Tác-giả đã đọc được nhiều bản dịch thơ Tagore bằng Pháp văn nên thường dẫn chứng đủ đọc giả dễ hiểu.

Thật là một cuốn sách đầy có thể khiến đọc giả thấu rõ tâm hồn huyền bí và cao cả của Tagore. Chúng tôi xin vui lòng giới thiệu cùng bạn đọc và mong ông Nguyễn Văn Hai sẽ được giới tri thức hoan nghênh.

MANH-PHAN

Là người Việt-Nam ai cũng nên dùng:

Dầu hỏa Việt Nam hiệu Thiên Thần

do cha Chức chánh xứ Tự-Liệt Văn-diễn (Hà-đông) sáng chế.

Thắp rất sáng, không khói, không nhờn, không hao, bắc không rần lại, ngọn đèn không lụi đi

Dùng vào đèn dầu tây cũ. — Giá rất hạ.

Mua buôn, mua lẻ, xin hỏi **Agence Générale pour l'Indochine** là Tổng-Phát-Hành ở số nhà 58bis, phố Huế — Hanoi giầy số 494



Sách của thư-xã

Alexandre de Rhodes**ĐÃ XUẤT BẢN****Tạo Ngụ ngôn La Fontaine**Bản dịch của ông NGUYỄN-VĂN-VĨNH, có cả
Phép vần đối chiếu.150 trang đều có tranh ảnh của MẠNH-QUỲNH
Bìa 3 màu, khổ 17×23.

Bản thường 1 \$ 00 — Bản giấy Đại La 5 \$ 00

KIM-VĂN-KIỀU, tome IBản dịch và chủ thích của ông Nguyễn-văn-Vĩnh
350 trang khổ 17×23

Bản thường 2 \$ 00 — Bản giấy Verre bouffant 7 \$ 00

Lược-khảo Việt-Ngữ

của ông LÊ-văn-Như

Ngót 100 trang khổ 12×17

Bản thường 0 \$ 50 — Bản giấy giò 4 \$ 00

—*—

ĐÃ XUẤT BẢN**LE PAYSAN TONKINOIS**

à travers le parler populaire

Bản Pháp văn của ông PHẠM-QUỲNH
100 trang, cả tranh ảnh của MẠNH-QUỲNH
Bìa 2 màu, khổ 17×23

Bản thường 0 \$ 80 — Bản giấy Đại la 5 \$ 00

Tong phát-bành Mai-Linh

21 Rue des Pipes — Hanoi

NHỮNG SÁCH CỦA**LÊ-THĂNG XUẤT BẢN**

Imprimerie du Nord

133, Rue du Coton, Hanoi

- 1-) Tiểu học Việt nam văn giáo khoa thư Nguyễn-quang Uông, sách đã đi qua ban kiểm sách duyệt y () 1p.25
- 2-) Việt nam văn phạm, Trần-trọng-Kim 3.50
- 3-) Grammaire Annamite, Trần-trọng-Kim 4.50
- 4-) Phật lục, Trần-trọng-Kim 0.80
- 5-) De Hanoi à la Courline, Phạm-duy Khiêm 1.50

Đang tái bảnNho giáo, Trần-trọng-Kim, 5 quyển. Sách in
âm 2 loại thường và loại đặc biệt, toàn bằng giấy
lỗ. Loại đặc biệt in có hạn, độc giả nào muốn
mua xin giữ trước

— Các giáo sư mua từ mười quyển trở lên có trừ 15%.

MUỐN HIỂU ĐẾN NƠI ĐẾN CHỖN**MỘT DANH-TỪ,****MỘT THÀNH-NGŨ,****MỘT MÔN HỌC TỰAT****Các bạn cần phải đọc tập tài liệu****BÁCH KHOA****ĐẠI-TỪ-ĐIỂN****của Quốc-Học Thư-Xã****Đón coi: tập SỬ-HỌC****của cụ Lại Bộ PHẠM-QUỲNH****Đã có bán****ỐC KHOA HỌC****CUỐN ĐẦU TRONG BỘ****SỨC KHỎE TINH THẦN**

của P. N. KHUÊ

Giá: 2\$20

Bằng một lối văn dễ dàng, sáng sủa, tác giả bộ « Sức khỏe mới » dẫn các bạn đi tìm óc khoa học tức là một lối nhận xét, một lối nghĩ, một lối xử trí thích hợp nhất với đời sống hiện-tại ngày nay.



Mua 1 cuốn xin gửi tiền trước, kèm 0\$40 đảm bảo về ông giám đốc.

HÀN THUYỀN XUẤT BẢN CỤC**71 Tiên Tsin — Hanoi**